

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
GIÁO DỤC CẤP QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài: <i>Nghiên cứu đề xuất phương án đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.</i>	1a. Mã số của đề tài: KHGD/16-20.ĐT.008
2	Loại đề tài: Thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”. Mã số của Chương trình: KHGD/16-20	
3	Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 11 năm 2019)	
4	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 3.600 triệu đồng Trong đó: <ul style="list-style-type: none">- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: 3.600 triệu đồng- Từ nguồn tự có của tổ chức: Không- Từ nguồn khác: Không	
5	Phương thức khoán chi: <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input checked="" type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none">- Kinh phí khoán: 3.600 triệu đồng- Kinh phí không khoán: 0 triệu đồng
6	Chủ nhiệm đề tài: Họ và tên: Nguyễn Phương Nga Ngày, tháng, năm sinh: 19 – 11 - 1954 Nữ Học hàm, học vị: PGS.TS Chức danh khoa học: PGS Chức vụ: Viện trưởng Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục Điện thoại của tổ chức: (024). 3226.2466 Mobile: 0913.233.096 E-mail: nganp@cea-avuc.edu.vn hoặc phuongnga.kdcl@gmail.com Tên tổ chức đang công tác: Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục Số 54, ngõ 106, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	

Địa chỉ nhà riêng: Căn hộ 2102, tầng 21, Chung cư Tòa tháp Ngôi sao,
Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

7 | Thư ký đề tài:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết**

Ngày, tháng, năm sinh: 16-02-1961 Nữ

Học hàm, học vị: Tiến sỹ Chức danh khoa học:

Chức vụ: chuyên gia

Điện thoại của tổ chức: (024). 3226.2466 Nhà riêng: 02435761475

Mobile: 0912104019 E-mail: tuyetnt35@gmail.com

Tên tổ chức đang công tác: Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục và
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam

Địa chỉ tổ chức: Phòng 806, Cung Trí thức TP Hà Nội, số 1 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội

Địa chỉ nhà riêng: Nhà số 10, ngõ 4, Phố Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội

8 | Tổ chức chủ trì đề tài:

Tên tổ chức chủ trì đề tài: **Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục**

Điện thoại: (024).37481369 hoặc (024). 3226.2466 Fax: (024).37481369

Website: www.asefed.vn

Địa chỉ: Số 54, ngõ 106, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ
Liêm, Hà Nội.

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Phương Nga Chức vụ: Viện trưởng

Tài khoản :

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Cầu Giấy

Cơ quan chủ quản đề tài:

9 | Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:

1. Tổ chức 1: Trung tâm Khảo thí quốc gia, Cục Quản lý chất lượng

Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điện thoại: 0989586202 Fax:

Địa chỉ: 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ThS. Hà Xuân Thành

2. Tổ chức 2: Vụ Giáo dục đại học

Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điện thoại: (04). 38691839 Fax: (04). 38681550

Địa chỉ: 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Phụng

3. Tổ chức 3 : Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

Cơ quan chủ quản

Điện thoại: (024). 37957157

Địa chỉ: tầng 10, Cung Trí thức, Số 1 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: GS.TS Trần Hồng Quân

Số tài khoản: 0011004233505

Ngân hàng: Sở giao dịch Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam

4. Tổ chức 4: Trường Đại học giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Bộ môn Đo lường Đánh giá trong giáo dục)

Cơ quan chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội

Điện thoại: 024.3754. 8092 Fax: 024.3754.8092

Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

5. Tổ chức 5: Trung tâm Khảo thí, Đại học Quốc gia Hà Nội

Cơ quan chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội

Điện thoại: 024.7309.9989

Địa chỉ: tầng 8, nhà C1T, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: PGS.TS. Vũ Đỗ Long

Số tài khoản: 260 1 0000 656888

Ngân hàng: BIDV Tây Hà Nội

10 Các cán bộ thực hiện đề tài:

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài làm tròn (Số tháng quy đổi)
1.	PGS.TS. Nguyễn Phương Nga	Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục	Chủ nhiệm Đề tài, tham gia các công việc sau: 1. Xây dựng thuyết minh đề tài; 2. Biên dịch và viết báo cáo tổng quan các vấn đề cần nghiên cứu; 3. Viết các báo cáo nghiên cứu các nội dung chuyên môn của đề tài, gồm các báo cáo: - Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; - Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; - Nghiên cứu mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển ở Châu Mỹ;	17

			<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các định hướng cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp ở THPT Việt Nam; - Xây dựng Mô hình (Phương án); bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; - Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam; - Hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN; - Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm; <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
2.	TS. Nguyễn Thị Tuyết	Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục	<p>Thư ký KH Đề tài tham gia các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng thuyết minh đề tài; 2. Biên dịch và viết báo cáo tổng quan các vấn đề cần nghiên cứu; 3. Viết các báo cáo nghiên cứu các nội dung chuyên môn của đề tài, gồm các báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; - Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận 	11

			<p>tốt nghiệp THPT;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước (phát triển và đang phát triển) ở Châu Á – Thái Bình Dương; - Xây dựng mô hình (phương án) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; - Xây dựng mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới; - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam; - Xây dựng quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam; - Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bồi cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. - Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm. <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
3.	PGS.TS. Ngô Doãn Đãi	Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở khoa học của việc tuyển 	4

			<p>sinh đại học;</p> <p>2. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam;</p> <p>3. Xây dựng bộ tiêu chí tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học Việt Nam và yêu cầu của nền kinh tế - xã hội đối với các trường đại học;</p> <p>4. Quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>5. Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</p> <p>6. Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm.</p> <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
4.	TS. Tô Thị Thu Hương	Viện Đo lường Đánh giá Phát triển giáo dục	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <p>1. Xây dựng thuyết minh đề tài;</p> <p>2. Biên dịch và viết báo cáo tổng quan các vấn đề cần nghiên cứu;</p> <p>3. Viết các báo cáo nghiên cứu các nội dung chuyên môn của đề tài, gồm các báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; - Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học; 	9

			<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; - Các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các định hướng cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam; - Xây dựng Mô hình (Phương án); Bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam; - Xây dựng mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới; - Hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN; - Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm. <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
5.	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội Các trường ĐH, CĐ Việt Nam	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt 	6

			<p>Nam;</p> <p>2. Xây dựng bộ tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học ở Việt Nam phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>3. Quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>4. Xây dựng quy trình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu của các trường đại học và phù hợp định hướng phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>5. Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>6. Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt nam. Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
6.	PGS.TS. Lê Đức Ngọc	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội Các trường ĐH, CĐ Việt Nam	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <p>1. Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học;</p> <p>2. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam;</p> <p>3. Xây dựng bộ tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học ở Việt Nam</p>	5

			<p>phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>4. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>5. Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>6. Hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN;</p> <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
7.	TS. Lê Viết Khuyến	Hiệp hội Các trường ĐH,CD Việt Nam	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <p>1. Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT;</p> <p>2. Những tác động của việc đổi mới tuyển sinh đại học đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và hòa nhập thị trường lao động trong khu vực và quốc tế;</p> <p>3. Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam trong các năm qua;</p> <p>4. Đánh giá thực trạng tuyển sinh</p>	9

			<p>đại học ở Việt Nam trong những năm qua;</p> <p>5. Cấu trúc của Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.</p> <p>6. Xây dựng mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>7. Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>8. Hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN;</p> <p>9. Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thi điểm.</p> <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
8.	TS. Lê Thái Hưng	Bộ môn Đo lường Đánh giá, Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học; 2. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT; 3. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong tuyển sinh đại học; 4. Đánh giá thực trạng thi tốt 	11

			<p>nghiệp THPT ở Việt Nam trong các năm qua;</p> <p>5. Đánh giá thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua;</p> <p>6. Xây dựng mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>7. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam;</p> <p>8. Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>9. Hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN;</p> <p>10. Tổng kết đánh giá mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm. Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
9.	TS. Tăng Thị Thùy	Bộ môn Đo lường Đánh giá, Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <p>1. Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học;</p> <p>2. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc</p>	9

			<p>tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT;</p> <p>3. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong tuyển sinh đại học;</p> <p>4. Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam trong các năm qua;</p> <p>5. Xây dựng mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>6. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam;</p> <p>7. Xây dựng bộ tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học ở Việt Nam phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới;</p> <p>8. Quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>9. Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>10. Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam;</p> <p>11. Tổng kết đánh giá mô hình</p>	
--	--	--	---	--

			<p>mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm.</p> <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	
10.	PGS.TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	<p>Thành viên chính, tham gia các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển ở Châu Mỹ; 2. Đánh giá thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua; 3. Nội hàm đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cấu thành Mô hình mới; 4. Cấu trúc của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới; 5. Xây dựng quy trình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu của các trường đại học và phù hợp định hướng phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội ở Việt Nam; 6. Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam; 7. Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam; <p>Và một số nội dung khác theo phân công.</p>	5

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

11	<p>Mục tiêu của đề tài: <i>(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i></p> <p>11.1. Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phân tích cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và tuyển sinh đại học.- Đánh giá các công trình nghiên cứu và kinh nghiệm đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học của các quốc gia phát triển và đang phát triển;- Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học ở Việt Nam những năm qua làm cơ sở đề xuất phương án đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hòa nhập nguồn nhân lực lao động của ASEAN. <p>11.2. Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Nhóm Mục tiêu 1:</i> Xác định được phương án, bộ tiêu chí, quy trình, phương pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới;- <i>Nhóm Mục tiêu 2:</i> Xác định được phương án, bộ tiêu chí, quy trình, phương pháp tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.- <i>Nhóm mục tiêu 3:</i> Xây dựng hệ thống các giải pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.- <i>Nhóm Mục tiêu 4:</i> Xây dựng hệ thống các giải pháp tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.
12	<p>Tình trạng đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"><input checked="" type="checkbox"/> Mới<input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả<input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
13	<p>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:</p>
<p>Tổng quan của Thuyết minh đề tài khoa học công nghệ này bao gồm hai phần chính là Tổng quan về các kỳ thi tốt nghiệp THPT và tổng quan về các hình thức và mô hình tuyển sinh đại học của một số quốc gia trên thế giới và của Việt Nam.</p> <p>13.1. Tổng quan về các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông</p> <p>Phần tổng quan này trước tiên sẽ phân tích các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ở một số quốc gia trên thế giới. Tiếp đó nhóm nghiên cứu sẽ điểu lại các kỳ thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam qua các thời kỳ đổi mới ở VIỆT NAM. Trên cơ sở phân tích các kỳ thi và các hình thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp THPT ở các quốc gia và ở Việt Nam, nhóm nghiên cứu phân tích những ưu và nhược điểm của các hình thức thi/đánh giá để công nhận tốt nghiệp THPT giữa các quốc gia.</p>	

13.1.1. Tổng quan các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên thế giới

Mỗi quốc gia trên thế giới có những quy định riêng về việc thi hoặc đánh giá để xét công nhận tốt nghiệp THPT. Những quy định về thi tốt nghiệp THPT thường được gắn chặt với bối cảnh lịch sử và các yếu tố văn hóa và các quy định của các điều luật của từng quốc gia, từng vùng địa lý trên thế giới. Phần tổng quan này sẽ chọn một số quốc gia đại diện cho một số châu lục trên thế giới để phân tích.

Ở Châu Á, nhóm nghiên cứu xin được phân tích việc tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp THPT tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan.

Tại Trung Quốc, Sở GD&ĐT của các tỉnh hoặc phòng giáo dục tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp THPT theo hai loại hình thi bao gồm: một kỳ thi được gọi là “Huikao” và loại khác là “các bài thi chuẩn hóa” (Academic Proficiency Test). Cả hai loại thi này đều dựa trên các nội dung học sinh được học trong chương trình phổ thông do Bộ Giáo dục Trung quốc quy định (<http://wenr.wes.org/2017/08/the-huikao-the-advanced-placement-test-and-shanghai-variations-a-look-at-chinas-high-school-exams>). Dạng thức thi và nội dung thi có thể khác nhau do Sở GD&ĐT quy định. Huikao được ra đời năm 1993 và yêu cầu học sinh phải thi tất cả các môn học trong chương trình THPT. Nhưng các bài thi của HuiKao không được các trường đại học xem xét trong việc tuyển sinh vào đại học. Trong khi đó Academic Proficiency Test được ra đời năm 2005, thí sinh chỉ phải thi một số môn nhất định. Các kết quả thi này được các trường đại học xem xét khi tuyển sinh đại học. Hiện tại các môn thi chính của loại thi này là: Toán, Trung văn, Anh văn và một môn lựa chọn là Khoa học tự nhiên hoặc Khoa học xã hội.

Tại Thái Lan, tất cả học sinh lớp 12 cần phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia với các đề thi quốc gia được gọi là O-NET (Ordinary National Educational Test) and A-NET (Advanced National Educational Test). Đây là hai loại hình thi mà các trường đại học ở Thái Lan đều chấp nhận kết quả khi xét tuyển thí sinh vào đại học.

Tại Hàn Quốc, học sinh tốt nghiệp THPT không phải trải qua một kỳ thi quốc gia để tốt nghiệp THPT như nhiều quốc gia khác trên thế giới. Các trường THPT cấp chứng chỉ xác nhận học sinh đã hoàn thành chương trình học THPT và được công nhận tốt nghiệp THPT.

Ở Châu Âu, hầu hết các quốc gia ở Châu Âu đều có quy định về việc thi tốt nghiệp THPT. Học sinh sau khi hoàn thành chương trình học lớp 12 đều phải trải qua một kỳ thi để được công nhận tốt nghiệp (hoặc được nhận Chứng chỉ tốt nghiệp THPT). Dưới đây sẽ phân tích các kỳ thi tốt nghiệp THPT ở Vương quốc Anh, Hà Lan và Phần Lan.

Tại Vương quốc Anh (bao gồm England, Scotland và Wales) học sinh lớp 12 có thể đăng ký kỳ thi lấy chứng chỉ THPT (GCSE); khu vực Northern Ireland thi kỳ thi SLC (School leaving Certificate) và Scotland là kỳ thi Higher Grade và kỳ thi quốc tế Cambridge IGCSE hoặc Cambridge AICE. Kỳ thi IGCSE được công nhận tương đương với kỳ thi THPT ở Mỹ, nhưng không đảm bảo đủ điều kiện để được vào học đại học ở Vương quốc Anh. Kỳ thi Cambridge AICE dành cho học sinh quốc tế theo học hệ thống giáo dục của Vương quốc Anh. Học sinh vượt qua kỳ thi này có thể được chấp nhận vào

học tại các trường đại học ở Anh quốc.

Tại Hà Lan, tất cả các học sinh phải tham dự kỳ thi của trường mình và một kỳ thi trên giấy của quốc gia vào cuối chương trình THPT. Hằng năm Bộ Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Hà Lan công bố những môn học bắt buộc để thi. Các trường THPT tự làm đề thi và bố trí lịch thi phù hợp với trường. Thông thường với mỗi môn học, học sinh các trường phải trải qua ít nhất là hai bài thi. Kỳ thi quốc gia của Hà Lan thường vào cuối năm học, tất cả các trường đều sử dụng chung một đề thi (bao gồm các môn học bắt buộc và các môn học tự chọn). Tất cả các đề thi này đều lấy từ Bộ Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Hà Lan.

Tại Phần Lan, kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia được tổ chức 2 lần/năm dưới sự điều hành của Bộ Giáo dục Phần Lan. Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia bao gồm 4 môn bắt buộc (tiếng mẹ đẻ gồm tiếng Phần Lan, tiếng Thụy Điển hoặc tiếng Sami; ngoại ngữ chính thứ hai ở Phần Lan; một ngoại ngữ khác, môn Toán và một môn lựa chọn (trong các môn: Sinh học, Hóa học, Vật Lý, Lịch sử, Địa lý, Khoa học xã hội, Tâm lý học, Giáo dục sức khỏe, Tôn giáo và Đạo đức). Kỳ thi được thực hiện ngay tại trường học của học sinh và do các giáo viên của trường chấm vòng 1; giáo viên của một trường khác sẽ được Bộ Giáo dục lựa chọn chấm vòng 2.

Tại Liên bang Nga, từ năm học 2000-2001 (Thiệp, 2008), Bộ Giáo dục của Liên bang đã tổ chức một kỳ thi quốc gia duy nhất để làm căn cứ xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh vào đại học thí điểm trên 5 vùng của lãnh thổ. Sau 7 năm thí điểm, đến năm 2007, Tổng thống Nga đã ký sắc lệnh về kỳ thi này và đến năm học 2008-2009 Bộ Giáo dục Nga đã triển khai trên toàn Liên bang một kỳ thi quốc gia duy nhất làm căn cứ để xét tốt nghiệp THPT và đồng thời làm căn cứ để xét tuyển sinh đại học. Kỳ thi này yêu cầu thí sinh phải thi 3 môn bắt buộc gồm Ngữ văn Nga, Toán, ngoại ngữ và 2 môn khoa học (1 môn do vùng lãnh thổ quy định và 1 môn do thí sinh tự chọn theo yêu cầu ngành nghề của trường đại học thí sinh sẽ dự tuyển).

Ở Hoa Kỳ, hầu hết các bang đều yêu cầu học sinh phải trải qua các đề thi được chuẩn hóa của các tổ chức khảo thí chuyên nghiệp. Chương trình giáo dục phổ thông của các bang ở Hoa Kỳ khác nhau, vì thế học sinh các bang có những bài thi khác nhau, ví dụ: học sinh ở Bang Florida thi Advanced International Certificate of Education; học sinh ở bang Virginia thi đề thi IGCSE; các bang khác học sinh có thể thi Cambridge International Examination hoặc kỳ thi quốc tế được gọi là International Baccalaureate (IB).

Tại Châu Úc, Australia bao gồm 6 bang và hai lãnh thổ có những chương trình giáo dục phổ thông khác nhau, các chuẩn mực khác nhau với các hướng thi khác nhau phù hợp với hướng chọn của các đối tượng học sinh THPT. Các kỳ thi tốt nghiệp THPT đều do Trường tổ chức thi và được gọi là School based Assessment. Một số trường học tư thục và trường công lập tại bang Nam Úc sử dụng đề thi International Baccalaureate.

13.1.2. Thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam qua các thời kỳ đổi mới

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông là một kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam đối với học sinh lớp 12. Mục đích của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ

thông nhằm đánh giá kiến thức và kỹ năng học sinh lớp 12 đạt được trong chương trình trung học phổ thông và là điều kiện để được cấp Chứng chỉ tốt nghiệp THPT. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng trên toàn quốc.

Trong mấy thập niên gần đây, kỳ thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) tổ chức cùng một thời gian trên toàn quốc, theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, quy định về môn thi và hình thức thi mỗi năm có những thay đổi nhất định.

Giai đoạn trước năm 2000, Bộ GD&ĐT quy định thi tốt nghiệp THPT gồm 4 môn thi, trong đó 2 môn bắt buộc là Toán và Ngữ văn; 2 môn còn lại được Bộ GD&ĐT lựa chọn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý và công bố vào cuối tháng 3 hàng năm. Duy nhất chỉ riêng năm 1975, Bộ GD&ĐT quy định thi tốt nghiệp THPT gồm 6 môn, trong đó có môn Chính trị.

Hình thức tất cả các đề thi của tất cả các môn thi tốt nghiệp THPT đều theo hình thức tự luận.

Từ năm 2000 đến 2014, Bộ GD&ĐT đã quyết định tăng số lượng các môn thi; theo đó kỳ thi tốt nghiệp THPT bao gồm 6 môn, trong đó có 3 môn bắt buộc là Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ (những học sinh không học ngoại ngữ hoặc học trong điều kiện không đảm bảo chất lượng dạy học được Sở GD&ĐT cho phép thi môn thay thế môn ngoại ngữ); 3 môn thi còn lại và môn thi thay thế môn Ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT lựa chọn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý. Danh sách những môn thi tốt nghiệp THPT hàng năm được Bộ GD&ĐT quyết định lựa chọn và công bố vào cuối tháng 3 hàng năm.

Hình thức thi cho 06 môn thi tốt nghiệp THPT trong giai đoạn 2000-2006 đều vẫn giữ nguyên là dạng thức thi tự luận. Bước sang kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2006, Bộ GD&ĐT đã bắt đầu triển khai thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ. Những năm tiếp theo từ năm 2007 đến nay, dạng thức thi trắc nghiệm khách quan được áp dụng cho các đề thi của các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ; riêng các môn thi Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý vẫn giữ nguyên dạng thức thi tự luận. Những môn thi từ năm 2001 đến năm 2013 được mô tả trong Bảng 1 như sau:

Bảng 1: Môn lựa chọn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT giai đoạn 2001-2013

Năm	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn thay thế ngoại ngữ
2001	Lý	Sinh	Địa	Sử
2002	Lý	Sử	Hoá	Địa
2003	Lý	Sử	Địa	Sinh
2004	Sinh	Hoá	Địa	Sử
2005	Lý	Hoá	Sử	Sinh
2006	Địa	Hoá	Sử	Lý

2007	Lý	Hoá	Sử	Địa
2008	Lý	Sinh	Sử	Hoá
2009	Lý	Sinh	Địa	Sử
2010	Hoá	Sử	Địa	Lý
2011	Lý	Sinh	Địa	Sử
2012	Hoá	Sử	Địa	Lý
2013	Hoá	Sinh	Địa	Lý

Đến năm 2014, Bộ GD&ĐT đã giảm bớt số lượng môn thi bắt buộc đối với kỳ thi tốt nghiệp THPT. Theo đó, kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2014 chỉ gồm có 4 môn, trong đó 2 môn bắt buộc (Ngữ Văn, Toán) và 2 môn tự chọn trong 6 môn còn lại (Hóa Học, Vật Lý, Địa Lý, Lịch sử, Sinh Học, Ngoại ngữ). Dạng thức của các đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2014 vẫn giữ nguyên dạng thức thi trắc nghiệm khách quan với các môn ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học; và dạng thức thi tự luận cho các môn toán, ngữ văn, lịch sử và địa lý.

Năm 2015, lần đầu tiên Bộ GD&ĐT đã quyết định sử dụng kết quả của kỳ thi THPT quốc gia là căn cứ để xét tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các trường ĐH, CĐ tuyển sinh. Năm 2015, thí sinh phải thi 4 môn, gồm 3 môn thi bắt buộc (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ) và một môn tự chọn trong các môn thi còn lại (Lịch sử, Địa lý, Vật lý, Hóa học, Sinh học) để xét tốt nghiệp trung học phổ thông. Để xét tuyển vào đại học và cao đẳng, ngoài 4 môn nói trên, thí sinh phải dự thi thêm các môn phù hợp với tổ hợp các môn thi được quy định. Dạng thức của các đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2015 vẫn giữ nguyên dạng thức thi trắc nghiệm khách quan với các môn ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học; và đề thi tự luận cho các môn toán, ngữ văn, lịch sử và địa lý.

Năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tiếp tục tổ chức kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) quốc gia lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) tuyển sinh hệ chính quy. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2017 gồm 4 môn trong đó có 3 môn bắt buộc (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ - riêng với môn Ngoại ngữ, thí sinh có thể chọn thi một trong các thứ tiếng: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.) và 1 đề thi tổ hợp tự chọn (đề thi tổ hợp về lĩnh vực Khoa học Tự nhiên hoặc đề thi tổ hợp về lĩnh vực Khoa học Xã hội). Các bài thi tổ hợp có điểm từng môn thành phần (phục vụ xét tuyển sinh đại học và cao đẳng theo khối thi truyền thống) và điểm toàn bài thi (phục vụ xét công nhận tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh đại học và cao đẳng theo tổ hợp môn thi, bài thi mới).

Điểm đặc biệt của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2017 là thí sinh có thể dự thi cả 5 bài thi; điểm bài thi tự chọn nào cao hơn sẽ được tính để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

Về hình thức các đề thi năm 2017: Thi trắc nghiệm khách quan với các môn Toán, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội; trong đó mỗi thí sinh trong

cùng phòng thi có một mã đề thi riêng; thí sinh làm bài thi trên Phiếu trả lời trắc nghiệm (Phiếu TLTN); Phiếu TLTN của thí sinh được chấm bằng phần mềm máy tính. Riêng đề thi Ngữ văn vẫn giữ theo hình thức tự luận.

13.1.3. Ưu và nhược điểm của các hình thức thi tốt nghiệp THPT

Hai phần tổng quan về các kỳ thi THPT ở một số quốc gia và ở Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau, cho thấy để được công nhận tốt nghiệp THPT (có chứng chỉ tốt nghiệp) tất cả học sinh ở các quốc gia trên thế giới muốn tốt nghiệp THPT đều phải vượt qua các kỳ thi, tuy nhiên sự khác biệt là kỳ thi đó hoặc do từng trường tổ chức hoặc được tổ chức trên diện rộng chung cho một vùng/tỉnh hoặc trên phạm vi toàn quốc.

Xu hướng thứ nhất, một số quốc gia không tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT ở cấp quốc gia. Các trường THPT tự tổ chức thi hết các môn học cho học sinh và cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, tiêu biểu là Australia và Hàn Quốc. Đây là một mô hình thuận lợi cho các trường THPT và cho tất cả học sinh THPT. Tuy nhiên, với mô hình này, chính phủ các quốc gia không có được dữ liệu quốc gia chung về kết quả học tập của các vùng miền làm cơ sở để đưa ra các chủ trương chính sách về giáo dục. Hơn thế nữa, kết quả học tập và điểm thi của từng trường có thể rất khác nhau theo vùng miền, sẽ rất khó cho các trường đại học xét tuyển sinh đại học. Vì vậy, khi tuyển sinh đại học, cần có một kỳ thi tuyển sinh đại học, hoặc việc xét tuyển sinh vào đại học cần phải có thêm những tiêu chí khác nhau. Chính vì vậy tại Australia, các bang đã đưa ra các đề thi của riêng từng bang đối với những học sinh THPT có nhu cầu đăng ký vào học đại học (ví dụ, Victorian Certificate of Education (VCE), hoặc ACE ...).

Xu hướng thứ hai là, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT cấp quốc gia cho học sinh lớp 12; Kỳ thi tốt nghiệp THPT do cơ quan cấp Bộ điều hành việc thi cũng như thiết kế đề thi, tiêu biểu là Hà Lan, Phần Lan, Liên bang Nga và Việt Nam. Trung Quốc là một quốc gia nằm trong xu hướng này, nhưng có sự khác biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT do các sở Giáo dục của các tỉnh hoặc các phòng Giáo dục tổ chức với các đề thi do sở/phòng tự thiết kế theo chương trình THPT quy định bởi cơ quan cấp Bộ. Mô hình thi sử dụng chung một đề thi trên toàn quốc có những ưu và nhược điểm nhất định. Với mô hình này, mỗi quốc gia có được một mặt bằng chung về kiến thức và kỹ năng của học sinh tốt nghiệp THPT làm căn cứ để hoạch định các chủ trương và chính sách về giáo dục để có những đầu tư trọng điểm phù hợp cho ngành giáo dục của từng đất nước. Tại Hà Lan và Phần Lan, các thí sinh được phép thi tốt nghiệp THPT ít nhất là 2 lần/năm. Điều này giảm thiểu bớt sự lo âu căng thẳng cho học sinh và gia đình. Đối với Việt Nam và Trung quốc, mỗi năm chỉ tổ chức duy nhất 1 kỳ thi tốt nghiệp THPT, điều này tạo nên sức ép rất lớn cho các thí sinh; đặc biệt những thí sinh bị đau ốm hoặc bị tai nạn hoặc có những vướng mắc cá nhân không thể tham dự kỳ thi duy nhất trong năm sẽ phải chờ thêm 1 năm nữa mới được tham dự thi.

Xu hướng thứ ba là, học sinh tham dự các kỳ thi do các tổ chức chuyên nghiệp có uy tín tổ chức với các đề thi đã được chuẩn hóa để lấy chứng chỉ tốt nghiệp THPT, tiêu biểu là Vương quốc Anh và các bang của Hoa Kỳ. Mô hình sử dụng tổ chức thi chuyên nghiệp với các đề thi chuẩn hóa hiện đang là xu hướng phát triển mạnh trong các nước

phát triển trên thế giới. Với mô hình này, học sinh được lựa chọn thời điểm thi phù hợp và có thể thi nhiều lần để khẳng định năng lực của bản thân; gia đình và toàn xã hội không bị áp lực và tác động bởi một kỳ thi trên diện rộng trong cùng một thời điểm làm xáo động toàn bộ sinh hoạt chung của toàn xã hội.

13.2. Tuyển sinh đại học

Tuyển sinh đại học của các quốc gia trên thế giới cũng rất khác nhau; thậm chí khác nhau giữa các trường đại học. Ở các quốc gia nơi có các tổ chức khảo thí chuyên nghiệp độc lập hoặc các tổ chức khảo thí công để tổ chức thi tập trung sử dụng các bộ câu hỏi thi đã được chuẩn hóa. Đối với những quốc gia mà khả năng tiếp nhận sinh viên năm thứ nhất thấp hơn số lượng học sinh tốt nghiệp phổ thông thì tuyển sinh đại học không khác gì những trận chiến khốc liệt. Phần dưới đây sẽ trình bày tóm tắt về việc tuyển sinh đại học ở một số nước trên thế giới và sau đó bàn về việc tuyển sinh đại học ở Việt Nam qua các thời kỳ từ sau Hiệp định Geneve năm 1954; phần cuối của mục tổng quan tuyển sinh đại học này sẽ bàn về những ưu và nhược điểm chính của các mô hình tuyển sinh đại học trên thế giới.

13.2.1. Tuyển sinh đại học trên thế giới

Các nước trên thế giới có những cách tuyển sinh khác nhau, nhóm nghiên cứu xin phân chia các phương thức tuyển sinh đại học trên thế giới thành ba nhóm với các phương thức tuyển sinh đại học khác nhau:

Nhóm 1: Tuyển sinh đại học dựa trên kết quả thi đại học

Tại một số quốc gia, theo quy định riêng của Luật, bối cảnh lịch sử và văn hóa trong từng nước, chính phủ của từng quốc gia đã quyết định các trường đại học tuyển sinh vào đại học dựa trên kết quả thi tuyển đại học chung trong cả nước. Trong phần này sẽ bàn đến việc tuyển sinh đại học tại các nước: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản và Brazil.

Tại Hàn Quốc, tất cả các thí sinh có nguyện vọng vào đại học đều phải vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực do Bộ Giáo dục trực tiếp chỉ đạo điều hành; kỳ thi này được gọi là “National College Scholastic Aptitude Tests (CSAT). Kỳ thi CSAT bao gồm các môn: Ngữ văn, Toán, tiếng Anh, một ngoại ngữ khác và Lịch sử.

Tại Trung quốc, để vào đại học các thí sinh phải vượt qua kỳ thi NCEE do Bộ Giáo dục tổ chức hàng năm. Kỳ thi này bao gồm 3 môn bắt buộc là Toán, Trung văn, một ngoại ngữ và một môn tự chọn về Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lý, Khoa học chính trị) hoặc Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học).

Tại Nhật Bản, thí sinh muốn đăng ký vào học đại học đều phải tham dự thi những môn theo yêu cầu riêng của trường đại học thí sinh đăng ký. Các môn thi bao gồm Toán, Khoa học, Văn học Nhật bản, Ngoại ngữ, Công dân, Địa lý, Lịch sử. Dạng thức thi chủ yếu là trắc nghiệm khách quan. Để được tuyển vào học tại các trường đại học quốc gia và công lập, thí sinh phải tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học do Trung tâm khảo thí quốc gia tổ chức và 1 bài thi năng khiếu của Trường đại học. Trung tâm khảo thí quốc gia có ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các môn học thuộc tất cả các lĩnh vực cần thi.

Tại Brazil, tất cả các thí sinh có nguyện vọng vào học đại học đều phải tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học chung trên toàn quốc; kỳ thi này được tổ chức mỗi năm 1 lần và

kéo dài trong 1 tuần.

Nhóm 2: Tuyển sinh đại học dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT và các yếu tố khác

Tại một số quốc gia, các trường đại học tuyển sinh dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT trong nước mình, tiêu biểu là các trường đại học tại France, Austria, Ireland, Egypt...

Tại Pháp, học sinh tham dự kỳ thi Baccalaureate để tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học. Kỳ thi Baccalaureate bao gồm 3 khối thi: Khoa học (S) gồm các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh; khối Kinh tế và Khoa học xã hội (ES) gồm các môn về kinh tế và xã hội. Các hình thức thi chủ yếu là viết và vấn đáp.

Tại Vương quốc Anh, các trường đại học sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét hồ sơ đăng ký học của thí sinh để tuyển sinh.

Tại Australia, tương tự, các trường đại học sử dụng kết quả học tập ở THPT của thí sinh, kết hợp với điểm thi của các môn học do từng tiểu bang tổ chức thi riêng cho các thí sinh có nguyện vọng đăng ký học đại học. Để cân bằng (moderate) kết quả thi của các tiểu bang tại Australia, Tổ chức khảo thí chuyên nghiệp hoặc các tổ chức giáo dục được ủy quyền sử dụng một công cụ khác để cân bằng lại điểm số của các bang.

Nhóm 3: Sử dụng kết quả của các kỳ thi đánh giá năng lực được chuẩn hóa

Kỳ thi đánh giá năng lực được chuẩn hóa được thiết kế để đánh giá khả năng nhận thức chung của học sinh. Điểm số của kỳ thi đánh giá năng lực không phải là điểm kết quả học tập ở THPT của học sinh. Vì vậy các trường đại học của nhiều nước tiên tiến trên thế giới đã xét tuyển thí sinh vào học đại học dựa trên điểm số các thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực đã được chuẩn hóa, kết hợp với việc xem xét kết quả học tập ở THPT của thí sinh. Phần này sẽ tóm tắt việc tuyển sinh đại học theo phương thức này tại các nước: Thụy Điển và Hoa Kỳ.

Tại Thụy Điển, thí sinh muốn vào đại học đều phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực SweAt (Swedish Scholastic Aptitude Test -SweSAT) để được tuyển chọn. Kỳ thi đánh giá năng lực SweAt là kỳ thi với các câu hỏi đã được chuẩn hóa, bao gồm hai môn: Toán học và Ngữ văn. Các trường đại học ở Thụy Điển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực này để tuyển chọn thí sinh; một số trường đại học đã tuyển chọn kết hợp với việc xem xét kết quả học tập THPT của các thí sinh.

Tại Hoa Kỳ, các thí sinh có thể sử dụng kết quả thi SAT của ETS hoặc kỳ thi của ACT để lấy điểm số và đăng ký nhập học đại học tại trường đại học theo lựa chọn cá nhân. Tùy theo kết quả đạt được của bài thi ACT hoặc SAT, thí sinh đăng ký vào trường đại học phù hợp nguyện vọng và danh tiếng của trường và điểm năng lực đạt được (qua điểm số). Thí sinh có thể thi nhiều lần để có điểm số cao hơn, phản ánh đúng năng lực cá nhân.

Phân tiếp theo sẽ bàn về từng loại: SAT và ACT.

Cấu trúc của đề thi SAT bao gồm lĩnh vực thi, dạng thức thi, năng lực đo lường đánh giá, số lượng câu hỏi và thể loại câu hỏi, thời lượng cho từng phần ... được thể hiện ở Bảng 2 bên dưới.

Bảng 2: Cấu trúc đề thi SAT của ETS

Cấu trúc	Lĩnh vực được đề cập trong các câu hỏi	Dạng thức	Số câu hỏi	Thời gian	SL lựa chọn	Cách lựa chọn câu trả lời	Đo lường năng lực
Phần 1: essay	Khoa học xã hội	Bài luận		25 ph			Phân tích, lập luận lí giải vấn đề
Phần 2: tính toán	Toán học: hình học, đại số, số học, giải tích, thống kê	Trắc nghiệm	20c	25 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Tính toán, suy luận, lý giải, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường
Phần 3:				25 pt		Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	
Phần 4: đọc hiểu	Âm nhạc, sinh học, y học, thể thao, kinh tế-chính trị, công nghệ, thiên văn học, ẩm thực	Trắc nghiệm	24c	25 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Phân tích, tổng hợp, lập luận và đánh giá
Phần 5: đọc hiểu	Lịch sử, địa lí, hội họa, văn học, du lịch, khoa học đời sống, âm nhạc, sinh học	Trắc nghiệm	35c	25 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Phân tích, tổng hợp, lập luận và đánh giá
Phần 6: tính toán	Toán học: hình học, đại số, số học, giải tích, thống kê	Trắc nghiệm	8c	25 ph	5 lựa chọn	Từ câu 1 đến 8: lựa chọn một phương án trả lời	Tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường

	kê					đúng nhấ	
		<i>Điền và tô kết quả</i>	10c			Từ câu 9 đến 18: điền kết quả và tô vào ô cho sẵn	Phân câu hỏi thử nghiệm được cấy vào đề thi (phần này không tính điểm)
Phần 7: đọc hiểu	Văn học, khoa học, thời trang, nghệ thuật	Trắc nghiệ m	24c	25 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Phân tích, tổng hợp, lập luận và đánh giá
Phần 8: đọc hiểu	Văn học, âm nhạc, văn hóa	Trắc nghiệ m	19c	20 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Phân tích, tổng hợp, lập luận và đánh giá
Phần 9: tính toán	Toán học: hình học, đại số, số học, giải tích, thống kê	Trắc nghiệ m	16c	20 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Tính toán, suy luận, giải quyết vấn đề, ứng dụng, đo lường
Phần 1 0: đọc hiểu	Địa lí, khoa học, lịch sử, kinh tế- chính trị, âm nhạc	Trắc nghiệ m	14c	10 ph	5 lựa chọn	Lựa chọn một phương án trả lời đúng nhất	Phân tích, tổng hợp, lập luận, đánh giá
Tổng			170 c	225 ph			

ACT là trắc nghiệm American College Testing Program được đưa vào sử dụng từ năm 1959 để cạnh tranh với SAT. ACT đánh giá năng lực học sinh có thể thực hiện được việc học tập ở bậc đại học. ACT là trắc nghiệm thành quả học tập (achievement test) dựa trên chương trình của các trường THPT. Trong quy trình thiết kế các câu hỏi, ACT rất chú trọng xem xét loại bỏ các câu hỏi có khả năng thiên lệch về mặt văn hóa, đẳng cấp, chủng tộc, xã hội...ACT được hưởng ứng chủ yếu ở miền Trung và Nam Hoa Kỳ (khoảng 27 bang). Trong khi SAT được hưởng ứng nhiều ở bờ Đông và bờ Tây Hoa Kỳ. Cấu trúc của kỳ thi ACT bao gồm 4 môn thi dạng trắc nghiệm khách quan với 5 phương án lựa chọn. Các môn thi bao gồm: tiếng Anh, Toán, Kỹ năng đọc và Khoa học

và một bài tự luận tùy chọn.

13.2.2. Thi tuyển sinh đại học ở Việt Nam qua các thời kỳ

Sau Hiệp nghị Geneve 1954, Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền: Bắc và Nam với hai chế độ chính trị khác nhau. Vì thế hệ thống giáo dục ở hai miền có khác nhau.

Tại Miền Bắc Việt Nam:

Nghiên cứu của Giáo sư Lâm Quang Thiệp năm 2008 đã phân tích các kỳ thi tuyển sinh đại học ở Miền Bắc Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng, cụ thể: Giai đoạn 1955 - 1965, các trường đại học được tự tổ chức tuyển sinh đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục. Riêng đối với các học sinh dân tộc đủ điều kiện tốt nghiệp THPT, được miễn thi vào đại học. Học sinh quê ở Miền Nam cũng được đào tạo trong các trường Học sinh Miền Nam để tăng nguồn sinh viên vào đại học. Riêng việc tuyển sinh đi học đại học ở nước ngoài do Bộ Giáo dục trực tiếp tuyển chọn trên cơ sở những giới thiệu của các tỉnh.

Giai đoạn 1965 - 1970, do tình hình chiến tranh khốc liệt, Bộ Giáo dục tạm thời bỏ các kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học. Bộ Giáo dục điều hành việc thành lập các Ban tuyển sinh đại học ở các tỉnh để tuyển chọn học sinh vào đại học. Thời điểm đấy, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT và vào học đại học rất cao, 80-90% và vì không có thi tuyển vào đại học, nên học lực của học sinh còn khá yếu.

Giai đoạn 1970-1987, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã tổ chức lại các kỳ thi tuyển sinh đại học. Kỳ thi tuyển sinh đại học không thực hiện riêng rẽ ở các trường đại học mà được tổ chức chung tại các địa phương. Tuyển sinh vào đại học được chia theo các khối A (gồm các môn: Toán, Lý và Hóa), khối B (gồm các môn: Lý, Hóa và sinh), khối C (gồm các môn: Văn, Sử và Địa lý). Việc tuyển sinh đại học chung tại các địa phương của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp khi đó đã tạo cơ hội bình đẳng cho các học sinh từ các địa phương xa xôi được dự thi tuyển sinh đại học.

Bước sang năm 1988, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp chủ trương để các trường Đại học tự tổ chức tuyển sinh đại học và chủ động tự thiết kế các đề thi, tổ chức thi, chấm thi và xét tuyển, theo các khối A, B, C.

Năm 1996, Vụ Đại học thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo Trường Đại học Đà Lạt triển khai thí điểm các đề thi tuyển sinh đại học dưới dạng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Kỳ thi tuyển sinh đại học vào Trường Đại học Đà Lạt đã ra 2 mã đề: tự luận và trắc nghiệm khách quan cho thí sinh tự chọn; trên 70% trong tổng số 7200 thí sinh đã chọn mã đề trắc nghiệm khách quan. Hội nghị tổng kết kỳ thi thí điểm này vào 9/1996 đã được đánh giá là thành công và Bộ GD&ĐT đã chủ trương áp dụng TNKQ để tuyển sinh đại học kể từ năm 1997 trở đi. Tuy nhiên, chủ trương này đã không được thực hiện ngay sau đó; đến năm 2006, Bộ mới triển khai áp dụng dạng thức thi trắc nghiệm khách quan đối với tuyển sinh đại học cho môn ngoại ngữ.

Năm 1997, Bộ đưa ra những thay đổi về các môn thi, theo đó tuyển sinh đại học trong cả nước phải thi 3 môn bắt buộc là Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ, riêng môn thứ tư do các trường đại học tự ấn định trong các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kỹ thuật,

Lịch sử và Địa lý; Khối các trường đại học nghệ thuật, thi 2 môn bắt buộc là Ngữ văn và Ngoại ngữ và thêm 2 môn năng khiếu do Trường đại học tự quyết định. Tất cả các đề thi của các trường đại học giai đoạn đó đều là dạng thi tự luận. Tiếp đó, để tạo thuận lợi cho các trường đại học trong khâu ra đề thi tuyển sinh đại học, Bộ đã tổ chức biên soạn bộ đề thi gốc (gồm các đề thi kèm theo các bài giải). Theo Giáo sư Lâm Quang Thiệp (2008), các chủ trương đổi mới trong tuyển sinh đại học từ năm 1988 trở đi đã làm cho chất lượng tuyển sinh đại học giảm dần và gây ra nhiều tiêu cực trong quá trình tuyển sinh đại học.

Bước sang năm 2002, Bộ GD&ĐT đã đổi mới việc tuyển sinh đại học bằng phương thức “3 chung” (đề thi chung, tổ chức thi chung và xử lý kết quả chung). Trong giai đoạn 2002-2005, dạng thức các đề thi vẫn giữ nguyên dạng thức tự luận. Kết quả tuyển sinh đại học các năm 2002, 2003 cho phân bố điểm thi có cực đại ở 3 điểm (tổng cộng 3 môn) và 87% thí sinh đạt điểm dưới trung bình. Kết quả thi này đã tạo ra nhiều tranh luận trong xã hội.

Năm 2003, Bộ GD&ĐT thành lập Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (KT&KĐCLGD) với chức năng quan trọng là tổ chức các kỳ thi quốc gia. Đề thi theo dạng thức trắc nghiệm khách quan đã được áp dụng cho môn ngoại ngữ từ năm 2006; bước sang năm 2007 dạng thức thi trắc nghiệm khách quan được áp dụng cho các môn Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học và Sinh học.

Giai đoạn 2007 đến 2016, các đề thi trắc nghiệm khách quan cho các môn thi Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học và Sinh học, đều do Cục KT&KĐCLGD tổ chức biên soạn, tuy nhiên các câu hỏi thi trắc nghiệm khách quan đã không được xây dựng và phân tích xử lý theo quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa. Do các đề thi không được thử nghiệm và phân tích, nên công luận đã có những phê phán đối với những sai sót trong một số đề thi.

Bước sang năm 2017, Bộ GD&ĐT tiếp tục duy trì chủ trương lấy kết quả thi tốt nghiệp THPT làm căn cứ để các trường đại học, cao đẳng tuyển sinh hệ chính quy. Về hình thức các đề thi năm 2017: Thi trắc nghiệm khách quan với các môn Toán, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội; trong đó mỗi thí sinh trong cùng phòng thi có một mã đề thi riêng; thí sinh làm bài thi trên Phiếu trả lời trắc nghiệm (Phiếu TLTN); Phiếu TLTN của thí sinh được chấm bằng phần mềm máy tính

Tại Miền Nam Việt Nam

Một điểm nổi bật trong tuyển sinh đại học ở Miền Nam Việt Nam là vào năm 1974, kỳ thi tốt nghiệp THPT đã áp dụng dạng thức thi trắc nghiệm khách quan. Giáo sư Lâm Quang Thiệp khi bàn về kỳ thi này đã nói đây là một dấu mốc quan trọng về việc áp dụng trắc nghiệm khách được tiêu chuẩn hóa trong một kỳ thi đại trà lần đầu tiên ở nước ta. Theo Giáo sư Thiệp và Giáo sư Dương Thiệu Tống (2005) đã phân tích sâu về cả quá trình cải tiến thi tuyển sinh đại học ở Miền Nam Việt Nam và việc chuẩn bị cho kỳ thi này. Toàn bộ khâu chấm thi của kỳ thi tuyển sinh đại học sử dụng thức trắc nghiệm khách quan này đã áp dụng việc chấm điểm bằng máy quét IBM 1230 Optical Mark Sense Reader, xử lý kết quả trên máy tính điện tử IBM 360/50. Kỳ thi tú tài ở

miền Nam nước ta khi đó là một kỳ thi được chuẩn bị rất lâu dài và cẩn thận, và đã được ghi nhận với nhiều ưu điểm rõ rệt: không có hiện tượng lộ đề, không có gian lận thi cử về phía thí sinh hay giám khảo và không có hiện tượng trúng tủ, trật tủ.

13.2.3. Ưu và nhược điểm của các hình thức tuyển sinh đại học

Hai phần tổng quan về tuyển sinh đại học ở trên cho thấy có ba mô hình tuyển sinh đại học trên thế giới. Mô hình thứ nhất sử dụng điểm số của một kỳ thi tuyển sinh đại học duy nhất được tổ chức 1 lần/năm trên toàn quốc. Mô hình này có ưu điểm chung là có thể so sánh được năng lực của tất cả các thí sinh dự thi đại học trong năm đó trên toàn quốc. Mô hình này bộc lộ một số nhược điểm cơ bản, đó là tạo ra sức ép rất lớn đối với các thí sinh, thí sinh không có nhiều cơ hội để thể hiện rõ năng lực của bản thân; đối với xã hội: toàn bộ các hoạt động trong xã hội và các gia đình hầu như bị xáo trộn bởi một kỳ thi quốc gia trên diện rộng thường bắt buộc phải huy động các lực lượng trong xã hội cùng tham gia để bảo đảm kỳ thi được diễn ra an toàn. Trong tất cả các quốc gia có tuyển sinh đại học theo mô hình này, đều không nhận được sự ủng hộ của công luận và cha mẹ học sinh.

Mô hình tuyển sinh đại học thứ hai là các trường đại học sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT cùng các yếu tố khác gồm: kết quả học tập ở THPT, các bài luận ... để xét tuyển vào đại học. Mô hình này được sử dụng ở nhiều quốc gia khác nhau. Với mô hình này, các trường đại học và Bộ Giáo dục của các quốc gia không phải tổ chức thêm một kỳ thi tốn kém cho cả đất nước, giảm thiểu hoàn toàn sự căng thẳng của một kỳ thi quốc gia nữa. Mô hình này phù hợp với các quốc gia nơi các trường đại học có thể cung cấp chỗ học trong trường đại học cho tất cả các học sinh tốt nghiệp THPT có nhu cầu học đại học. Đồng thời, kỳ thi tốt nghiệp THPT phải đảm bảo được tổ chức nghiêm túc, đánh giá đúng năng lực học tập của học sinh.

Mô hình thứ ba là sử dụng kết quả thi chẩn đoán năng lực của thí sinh và/hoặc kết hợp với kết quả học tập ở THPT để tuyển sinh vào học đại học. Mô hình này hiện đang được phát triển rộng rãi ở các nước phát triển, nơi có các tổ chức khảo thí chuyên nghiệp có uy tín và kinh nghiệm trong thiết kế xây dựng các đề thi đánh giá năng lực được chuẩn hóa. Tại các quốc gia này, thí sinh có nhiều lựa chọn: lựa chọn tổ chức khảo thí chuyên nghiệp theo yêu cầu của trường đại học mình đăng ký nhập học; đồng thời thí sinh được quyền thi nhiều lần khác nhau đến khi thí sinh thấy điểm số phản ánh đúng năng lực thật của thí sinh. Đây là một mô hình phù hợp với Việt Nam, cần được nghiên cứu.

13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

Trong nhiều thập kỷ qua, các kỳ thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chỉ đạo đã có những cải cách và đổi mới theo từng giai đoạn, tuy nhiên các kỳ thi đều được tổ chức cùng một thời gian trên phạm vi toàn quốc, theo những đề thi chung của Bộ GD&ĐT, mặc dù các quy định về môn thi và hình thức thi có những thay đổi nhất định. Các kỳ thi này đã đem lại những căng thẳng và lo âu cho nhiều tầng lớp trong xã hội và các cơ quan công quyền liên quan với những chi phí công cao và những chi phí lớn của các gia đình có con em dự thi.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2017 là một kỳ thi mang lại được những thay đổi tích cực lớn cho xã hội nói chung; cộng đồng đều hài lòng với những kết quả này. Tuy nhiên, đó vẫn là một kỳ thi quốc gia đòi hỏi sự huy động cùng lúc nhiều nguồn lực phục vụ cho một kỳ thi chung toàn quốc.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi mọi ngành nghề, mọi hệ thống phải thay đổi căn bản về tư duy và các phương pháp tổ chức làm việc, vì vậy vấn đề đặt ra ở đây là: có cần duy trì một kỳ thi tốt nghiệp THPT được tổ chức như hiện hành không? Để trả lời câu hỏi này, cần có những nghiên cứu sâu, đi đúng hướng để đề xuất được một mô hình đánh giá xét tốt nghiệp THPT phù hợp với sự phát triển như vũ bão của cách mạng công nghiệp 4.0.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) đã thông qua *Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*; Quốc hội đã ban hành *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Dự thảo chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã xác định, bên cạnh những năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo phát triển, chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ hình thành và phát triển những năng lực chuyên môn cho học sinh: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học.... Chính vì vậy để đánh giá xét tốt nghiệp THPT cho những học sinh học chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ tốt nghiệp THPT vào giai đoạn 2018-2019, cấp thiết cần có một dự án khoa học công nghệ nghiên cứu sâu về các mô hình đánh giá xét tốt nghiệp THPT ở các nước đang phát triển (có đặc thù tương tự Việt Nam) và các nước phát triển làm cơ sở để xây

dựng Mô hình đánh giá xét tốt nghiệp THPT phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới và đặc biệt đánh giá được các năng lực chương trình giáo dục mới đã hình thành và phát triển cho các lớp học sinh trong giai đoạn tới.

Khi Chương trình giáo dục phổ thông mới đã tạo dựng được những năng lực chuyên môn như mục tiêu của Chương trình, việc tuyển sinh vào đại học tất phải có sự thay đổi căn bản dựa trên nền tảng khoa học đo lường đánh giá. Do đó, chúng ta cấp bách nghiên cứu để xây dựng một Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học đánh giá được các năng lực chuyên biệt của các thí sinh để tư vấn chọn ngành nghề cho học sinh và bảo đảm sự thành công khi vào học đại học.

Từ những phân tích trên có thể kết luận, chúng ta cấp bách cần có một dự án khoa học công nghệ huy động được các nhà khoa học, các chuyên gia về đo lường đánh giá và các nhà quản lý giáo dục để xây dựng được Mô hình mới đánh giá xét tốt nghiệp THPT và Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và yêu cầu tuyển chọn các thí sinh tiềm năng của các trường đại học, phục vụ sự phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam hội nhập với nguồn nhân lực của ASEAN.

14 **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

14.1. Tiếng Anh

1. Daniel Edwards, Hamish Coates, Tim Friedman (2012), “A survey of international practice in university admissions testing”, Higher Education Management and Policy, 2012;
2. Gareth Davey , Chuan De Lian & Louise Higgins, (2010) Journal of further and higher education 2010;
3. GED (2013), "History of the GED® test". GED Testing Service. GED Testing Service LLC. 2015. Retrieved February 19, 2013.
4. GED (2013), "The new assessment is a stepping-stone to a brighter future". GED Testing Service. GED Testing Service LLC. Archived from the original on October 23, 2013. Retrieved October 22, 2013.
5. (2013), "Can I take the test online?", Retrieved February 19, 2013.
6. GED (2016), "MyGED FAQs". GED Testing Service. Retrieved 21 April 2016.

7. GED (2016), "High School Equivalency (GED-HiSET-TASC)". MyCareerTools. Retrieved 21 April 2016.
8. GED (2015), "2014 Maryland". GED Testing Service.
9. GED (2016), "Testing Service LLC. 2015. Retrieved August 7, 2016. Due to a State subsidy, the GED® test in Maryland is \$11.25 per module and \$45.00 for the entire battery of four tests
10. GED (2016), "Programs and Services: FAQs". GED Testing Service. GED Testing Service LLC. 2015. Retrieved August 7, 2016. The cost of the 2014 GED® test will remain at \$120 per test battery administration....
11. *GED (1998), "Technical Manual, 2nd Edition"*, Washington, DC: GED Testing Service of the North American Council on Education;
12. GED (2016), "What Is an Honors GED?". Everyday Life - Global Post. Retrieved 2016-03-19.
13. Heckman's research shows non-cognitive skills promote achievement.
14. <https://research.collegeboard.org/programs/sat/data>
15. https://en.wikipedia.org/wiki/University_and_college_admission
16. Larry Elowitz et al. GED Success: 2003 (2003). Lawrenceville, New Jersey: Peterson's. [ISBN 0-7689-0906-6](#)
17. Northcutt, Ellen et al. Steck-Vaughn (2002), "Complete GED Preparation". Austin: Steck-Vaughn Company. [ISBN 0-7398-2837-1](#)
18. Martz, Geoff. (2001), "Cracking the GED: 2002 Edition" (2001). pg 7. New York: Princeton Review Publishing, L.L.C. ISBN 0-375-76193-
19. Mitchell, Robert. McGraw (2003), "Hill's GED: Science New York", The McGraw-Hill Companies, Inc. [ISBN 0-07-140704-9](#).
20. Rockowitz, Murray et al. Barron's (2004) How to Prepare for the GED High School Equivalency Exam. New York: Barron's Educational Series, Inc. [ISBN 0-7641-2603-2](#)
21. Iowa is the Fifth State to Choose ETS's HiSET™ (Archive link)
22. Stephen V and James J. Heckman (1993). "The Nonequivalence of High School Equivalents". Journal of Labor Economics. 11 (1)
23. (<http://wenr.wes.org/2017/08/the-huikao-the-advanced-placement-test-and-shanghai-variations-a-look-at-chinas-high-school-exams>, RETRIEVE August

[2017](#)

14.2. Tiếng Việt

24. Lâm Quang Thiệp (2008). Một số kinh nghiệm về thi tuyển sinh đại học trên thế giới. Tạp chí Giáo dục Đại học và Dạy nghề, N03, 2000.
25. Lâm Quan Thiệp (2008). Trắc nghiệm và ứng dụng, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
26. Dương Thiệu Tông (2005). Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (phương pháp thực hành). Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
27. Nguyễn Phương Nga (2001). Xây dựng cấu trúc đề thi và phần mềm quản lý Ngân hàng dữ liệu các tiêu mục thi. Báo cáo tại hội thảo “Xây dựng hệ thống thuộc tính tiêu mục thi- Kiểm tra kỹ năng thực hành ngoại ngữ có sử dụng phần mềm chuyên dụng” do trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tháng 11 năm 2001 tại Hà Nội.
28. Văn Tạo (1995), Phương pháp lịch sử và Phương pháp logic, Viện Sử học xuất bản, Hà Nội, tr. 41-42.
29. Phan Ngọc Liên (2011), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHSP, Hà Nội, tr. 140.

Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)

Nội dung 1: Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông, bao gồm các công việc sau:

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản và nội hàm của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT
- 1.2. Sự cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của Việt Nam hội nhập chất lượng quốc tế
- 1.3. Những tác động của việc đổi mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT để phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội của Việt Nam

Nội dung 2: Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học, bao gồm các công việc sau:

- 2.1. Một số khái niệm cơ bản và nội hàm của việc tuyển sinh đại học
- 2.2. Sự cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và hội nhập nguồn nhân lực của khu vực và trên thế giới
- 2.3. Những tác động của việc đổi mới tuyển sinh đại học đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và hội nhập thị trường lao động trong khu vực và quốc tế

Nội dung 3: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông, bao gồm các công việc sau:

- 3.1. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của các nước (phát triển và đang phát triển) ở Châu Á - Thái Bình Dương.
- 3.2. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT của các nước phát triển thuộc Châu Âu.
- 3.3. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT của các nước phát triển ở Châu Mỹ.

Nội dung 4: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong tuyển sinh đại học, bao gồm các công việc sau:

- 4.1. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước (phát triển và đang phát triển) ở Châu Á - Thái Bình Dương.
- 4.2. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển thuộc Châu Âu.
- 4.3. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển ở Châu Mỹ.

Nội dung 5: Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp trung học phổ thông ở Việt Nam trong những năm qua, bao gồm các công việc sau:

- 5.1. Thực trạng thi tốt nghiệp THPT qua các thời kỳ đổi mới giáo dục ở Việt Nam.
- 5.2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của các phương pháp, quy trình tổ chức và đánh giá qua các thời kỳ đổi mới thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam.
- 5.3. Các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các định hướng cho việc đánh giá xét tốt nghiệp THPT ở Việt Nam.

Nội dung 6: Đánh giá thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua, bao gồm các công việc sau:

- 6.1. Thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam qua các thời kỳ đổi mới giáo dục.
- 6.2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của các tiêu chí, phương pháp, quy trình tổ chức và đánh giá qua các thời kỳ đổi mới tuyển sinh đại học ở Việt Nam.
- 6.3. Quyền tự chủ đại học và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong xu thế hội nhập của khu vực ASEAN và các định hướng cho việc tuyển sinh đại học ở Việt Nam.

Nội dung 7: Xây dựng Mô hình (Phương án) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, bao gồm các công việc sau:

- 7.1. Mục tiêu, quan điểm và định hướng tiếp cận của Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.
- 7.2. Cấu trúc của Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.
- 7.3. Nội hàm đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cấu thành Mô hình mới .

Nội dung 8: Xây dựng Mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới, bao gồm các công việc sau:

- 8.1. Mục tiêu, quan điểm và định hướng tiếp cận của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới.
- 8.2. Cấu trúc của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới.
- 8.3. Các nội hàm của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và thành phần các nguồn lực (nhân lực, vật lực và tài lực) cấu thành Mô hình.

Nội dung 9: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam, bao gồm các công việc sau:

- 9.1. Cơ sở khoa học để xây dựng các tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.
- 9.2. Các nhóm năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) học sinh tốt nghiệp THPT cần đạt được sau khi kết thúc chương trình giáo dục phổ thông mới: năng lực khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học); năng lực khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân); năng lực Toán; năng lực Ngữ văn, năng lực Ngoại ngữ.
- 9.3. Bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam.

Nội dung 10: Xây dựng bộ tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học ở Việt Nam phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới, bao gồm các công việc sau:

- 10.1. Cơ sở khoa học để xây dựng các tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới.
- 10.2. Các nhóm năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) thí sinh đăng ký vào học đại học cần có để hoàn thành chương trình đại học phù hợp tiềm năng thí sinh.
- 10.3. Bộ tiêu chí tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học Việt Nam và yêu cầu của nền kinh tế - xã hội đối với các trường đại học.

Nội dung 11: Xây dựng quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, bao gồm các công việc sau:

- 11.1. Mục đích và nguyên tắc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- 11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT.
- 11.3. Khung thời gian và các bước đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- 11.4. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.
- 11.5. Thanh tra và thẩm định kết quả đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT.
- 11.6. Các nguồn lực phục vụ việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT.

Nội dung 12: Xây dựng quy trình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu của các trường đại học và phù hợp định hướng phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội ở Việt Nam, bao gồm các công việc sau:

- 12.1. Mục đích và nguyên tắc tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- 12.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc tuyển sinh đại học.
- 12.3. Khung thời gian và các bước tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và định hướng phát triển nguồn nhân lực của đất nước.
- 12.4. Nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn đối với các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia tuyển sinh đại học.
- 12.5. Thanh tra và thẩm định kết quả tuyển sinh đại học.
- 12.6. Các nguồn lực phục vụ việc tuyển sinh đại học ở Việt Nam.

Nội dung 13: Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam, bao gồm các công việc sau:

- 13.1. Nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các công cụ/phương thức đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam.
- 13.2. *Phương án 1 (Mô hình 1):* Đánh giá kết quả học tập học sinh đạt được đối sánh với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông mới: xây dựng 05 ma trận đánh giá năng lực: năng lực Toán; năng lực Ngữ văn; năng lực Ngoại ngữ; năng lực Khoa học tự nhiên; năng lực Khoa học xã hội kèm theo 05 công cụ tương ứng minh họa 05 ma trận đánh giá (lựa chọn sử dụng các dạng thức đánh giá phù hợp: trắc nghiệm khách quan; tự luận; kết hợp trắc nghiệm và tự luận; vấn đáp; project; các dạng thức khác).
- 13.3. *Phương án 2 (Mô hình 2) :* Đánh giá kết quả học tập và thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác).
- 13.4. *Phương án 3 (Mô hình 3) :* Tích hợp sử dụng hai hoặc ba loại hình khác nhau để đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT.

Nội dung 14: Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, bao gồm các công việc sau:

- 14.1. Nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các phương thức tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học, hòa nhập với xu thế của giáo dục đại học toàn cầu.
- 14.2. *Phương án 1 (Mô hình 1):* Đánh giá/chuẩn đoán năng lực của thí sinh: 8 ma trận đánh giá các nhóm năng lực chuyên biệt: năng lực Toán; năng lực Vật lý; năng lực Hóa học; năng lực Sinh học; năng lực Ngữ văn; năng lực Lịch sử; năng lực Địa lý; năng lực ngoại ngữ kèm theo 8 bộ công cụ minh họa đánh giá 8 ma trận.
- 14.3. *Phương án 2 (Mô hình 2):* Chuẩn đoán năng khiếu của thí sinh (các loại hình thi/chuẩn đoán và cấu trúc ma trận chuẩn đoán năng khiếu).
- 14.4. *Phương án 3 (Mô hình 3):* Đánh giá kết quả học tập và các thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác).
- 14.5. *Phương án 4 (Mô hình 4):* Tích hợp một số phương pháp đánh giá (chuẩn đoán năng lực; kết quả học tập THPT; các thành tích về học thuật; phục vụ cộng đồng; đánh giá của giáo viên chủ nhiệm ...).

Nội dung 15: Xây dựng hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế-xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN, bao gồm các công việc sau:

- 15.1. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo Mô hình mới (phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các trường THPT/Phòng Giáo dục/Sở Giáo dục và Đào tạo).
 - 15.2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước, giám sát và hỗ trợ của Bộ GD&ĐT.
 - 15.3. Lộ trình phát triển các tổ chức đánh giá chuyên nghiệp với các công cụ/thang đánh giá được chuẩn hóa theo chuẩn mực quốc tế.
 - 15.4. Giải pháp về các điều kiện đảm bảo chất lượng các phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tự chủ tuyển sinh đại học: chuẩn hóa các công cụ/thang đánh giá, phương pháp đánh giá, chuyên nghiệp hóa ...; cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và các kinh nghiệm liên quan để tổ chức triển khai các kỳ thi tốt nghiệp THPT và tổ chức triển khai tự chủ tuyển sinh đại học ...
 - 15.5. Giải pháp giảm thiểu sự căng thẳng cho xã hội và các đối tượng liên quan (thí sinh, gia đình, giáo viên, trường học, cơ quan giáo dục ...).
 - 15.6. Giải pháp giảm chi phí công cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.
 - 15.7. Giải pháp tạo các cơ hội cho tất cả các thí sinh thể hiện được năng lực bản thân.
-
- 16.1. ***Nội dung 16: Tổng kết đánh giá Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm, bao gồm các công việc sau*** Kết quả định lượng phân tích các số liệu thí điểm Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học.
 - 16.2. Các ý kiến đánh giá của các bên liên quan về các Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và được tự chủ tuyển sinh đại học.
 - 16.3. Các khuyến nghị.

16 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

16.1. Suu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (dự kiến 350 trang) (các tài liệu chính):

- + Các tài liệu về hệ thống đánh giá xét tốt nghiệp THPT của một số quốc gia thuộc Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Âu và Châu Mỹ;
- + Các tài liệu về hệ thống tuyển sinh đại học của một số quốc gia thuộc Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Âu, Châu Mỹ.

16.2. Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)

- *Tổ chức 3 hội thảo lớn* với các chủ đề theo nội dung nghiên cứu của Đề tài:
 - **Hội thảo 1.** Kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học và đề xuất Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới (*tại Hà Nội, số lượng khoảng 100 đại biểu, tổ chức trong ? ngày. Đối tượng, Nội dung, Mục đích, Kết quả:*);
 - **Hội thảo 2.** Tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá xét tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. Hệ thống các giải pháp triển khai Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu của chương trình phổ thông mới (*tại Đà Nẵng, số lượng khoảng 50 đại biểu tổ chức trong ? ngày. Đối tượng, Nội dung, Mục đích, Kết quả:*);
 - **Hội thảo 3.** Tiêu chí, phương pháp và quy trình tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam và Hệ thống các giải pháp triển khai Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học, hòa nhập với xu thế của giáo dục đại học toàn cầu (*tại Tp. Hồ Chí Minh, số lượng khoảng 100 đại biểu, tổ chức trong ? ngày. Đối tượng, Nội dung, Mục đích, Kết quả:*)
- *Tọa đàm, trao đổi khoa học: 19 tọa đàm quy mô nhỏ*
Đối tượng tham gia các Tọa đàm này bao gồm các cán bộ quản lý là đại diện của Chương trình giáo dục phổ thông mới của Bộ GD&ĐT; Đại diện của các Vụ, Cục liên quan thuộc Bộ GD&ĐT; Đại diện của Ủy ban Văn hóa, giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội; đại diện các Sở GD&ĐT, Phòng Giáo dục và đại diện Ban giám hiệu của một số trường THPT trong mẫu khảo sát; Đại diện các nhóm trường đại học của 3 miền (Bắc, Trung, và Nam). Chi tiết các cuộc Tọa đàm trao đổi khoa học như sau:
 - Tọa đàm với cán bộ Chương trình giáo dục phổ thông mới: **2 cuộc**
 - Tọa đàm với các Vụ, Cục liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo: **3 cuộc**
 - Tọa đàm với Ủy ban Văn hóa, giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng của

Quốc hội: **2 cuộc**

- Tọa đàm với các Sở GD&ĐT và đại diện một số trường THPT theo mẫu đại diện: **9 cuộc**

Chi tiết cụ thể:

- (i). Phía Tây Bắc: Tỉnh Yên Bái;
 - (ii). Phía Đông Bắc: Quảng Ninh;
 - (iii). Đồng bằng châu thổ sông Hồng: Hà Nội;
 - (iv). Đồng bằng sông Hồng: Nam Định;
 - (v). Bắc Trung Bộ: Nghệ An;
 - (vi). Nam Trung bộ duyên hải miền Trung: Đà Nẵng
 - (vii). Tây Nguyên (Đak Lăk);
 - (viii). Đông Nam bộ: Tp. Hồ Chí Minh;
 - (ix). Tây Nam bộ: Cần Thơ.
- Tọa đàm với nhóm các trường đại học: **3 cuộc**

16.3. Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)

- *Tiến hành 9 cuộc khảo sát và thử nghiệm trong nước đối với THPT:*

Khảo sát và thử nghiệm 5 ma trận đánh giá năng lực cho tốt nghiệp THPT (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội) kèm theo 5 bộ công cụ minh họa (05 đề thi). Khảo sát tổng số 1.880 mẫu đại diện của các vùng miền trên cả nước, bao gồm:

- + Mẫu đại diện cấp quản lý nhà nước: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- + Mẫu đại diện các tỉnh (sở Giáo dục và Đào tạo), phòng Giáo dục và một số trường THPT tại: Tây Bắc: Tỉnh Yên Bái; Đông Bắc: Tỉnh Quảng Ninh; Đồng bằng châu thổ sông Hồng: Tp. Hà Nội; Đồng bằng sông Hồng: Tỉnh Nam Định; Miền Bắc Trung Bộ: Tỉnh Nghệ An; Miền Nam Trung bộ duyên hải miền Trung: Đà Nẵng; Tây Nguyên: Tỉnh Đak Lăk; Miền Đông Nam bộ: Tp. Hồ Chí Minh; Miền Tây Nam bộ: Tp. Cần Thơ.

- *Tiến hành 6 cuộc khảo sát và thử nghiệm trong nước đối với cơ sở GDDH:*

Khảo sát 8 ma trận đánh giá năng lực cho tuyển sinh đại học (Toán, Ngữ văn, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, Ngoại ngữ) kèm theo 08 bộ công cụ minh họa (08 đề thi). Khảo sát tổng số 2.648 mẫu đại diện các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm:

- + Mẫu đại diện cấp quản lý nhà nước: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- + Mẫu đại diện một số cơ sở GDDH tại các địa phương: Phía Tây Bắc: Tỉnh Yên Bái; Đồng bằng châu thổ sông Hồng: Tp. Hà Nội; Miền Bắc Trung Bộ: Tỉnh Nghệ An; Miền Nam Trung bộ duyên hải miền Trung: Tp. Đà Nẵng; Miền Đông Nam bộ: Tp. Hồ Chí Minh; Miền Tây Nam bộ: Tp. Cần Thơ.

- **Mục đích:**

- **Yêu cầu:**

- **Nội dung:**

- **Phương pháp:**

17 | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

Để triển khai Đề tài khoa học công nghệ này, nhóm nghiên cứu sử dụng những cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu được mô tả trong hai phần dưới đây.

17.1. Cách tiếp cận

- **Tiếp cận lịch sử:** Theo Văn Tạo (1995), phương pháp lịch sử là phương pháp tái hiện trung thực bức tranh quá khứ của sự vật, hiện tượng theo đúng trình tự thời gian và không gian như nó đã từng diễn ra (quá trình ra đời, phát triển, tiêu vong). Nhiệm vụ của phương pháp lịch sử là thông qua các nguồn tư liệu để nghiên cứu và phục dựng đầy đủ các điều kiện hình thành, quá trình ra đời, phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp của các sự kiện, hiện tượng, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong mối quan hệ tác động qua lại với các nhân tố liên quan khác trong suốt quá trình vận động của chúng, từ đó có thể dựng lại bức tranh chân thực của sự vật, hiện tượng như đã xảy ra. Vận dụng phương pháp này trong triển khai đề tài, nhóm nghiên cứu sẽ điểu lại các thời kỳ đổi mới về thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học tại Việt Nam theo các giai đoạn từ cách mạng tháng 8 năm 1954 đến năm 2017; qua đó phân tích những ưu và nhược điểm của từng hình thức thi, phương thức tổ chức thi và so sánh với các hình thức thi trên thế giới để chọn lọc ra một mô hình phù hợp với Việt Nam.
- **Tiếp cận logic:** Theo Phan Ngọc Liên (2011) “Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng trong hình thức tổng quát, nhằm vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng trong sự vận động của cái khách quan được nhận thức này”. “Phương pháp logic khác phương pháp lịch sử ở chỗ nó không nhằm diễn lại toàn bộ tiến trình của lịch sử, mà là nhằm nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát nhằm nghiên cứu quá trình phát triển lịch sử, nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng”(Văn Tạo, 1995). Với sự giao thoa của hai cách tiếp cận lịch sử và tiếp cận logic, nhóm nghiên cứu sẽ kết hợp cả hai cách tiếp cận này để phân tích các hình thức thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, từ đó chỉ ra bản chất và xu thế phát triển của việc công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học nói chung trên thế giới kèm theo những tác động tích cực và những hạn chế của nó, để từ đó xác định được mô hình phù hợp với Việt Nam.

Tiếp cận hệ thống: Tiếp cận hệ thống được hiểu là phân tích những tập hợp phần tử tương tác với nhau, bao gồm một cấu trúc, và cấu trúc là thành tố ở cấp độ hệ thống giúp cho ta nhận biết các phần tử đang thuộc một hệ thống chứ không phải đơn thuần là một tập hợp. Mục đích của lý thuyết phương pháp tiếp cận này là chỉ ra sự vận động và tương tác như thế nào. Phương pháp tiếp cận hay lý thuyết nào, một khi đã mang “tính hệ thống” phải phân biệt được rõ ràng cấp độ hệ thống-cấu trúc và cấp độ tương tác giữa các phần tử (<http://nghiencuuquocite.org/2014/03/18/tiep-can-he-thong-va-ly-thuyet/>). Cách tiếp cận hệ thống này giúp nhóm nghiên cứu nhìn nhận việc tổ chức thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học ở hai cấp độ, cấp độ vĩ mô với sự tổ chức quản lý và điều hành chung của Bộ GD&ĐT; và ở cấp độ vi mô, việc triển khai thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học ở cấp Sở GD&ĐT và các cơ sở giáo dục; tiếp đó là từng thí sinh. Qua đó phân tích sự tương tác giữa các cấp độ để xác định những tương tác tích cực để xây dựng mô hình thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.

17.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

- *Phương pháp hồi cứu tư liệu:* là phương pháp đóng vai trò quan trọng để nhóm nghiên cứu nắm bắt chắc chắn các thông tin khoa học và lịch sử của vấn đề nghiên cứu, các công trình nghiên cứu liên quan trên thế giới làm cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn để nhóm nghiên cứu kế thừa và tiếp tục phát triển các kết quả nghiên cứu một cách logic, biện chứng và khoa học và đạt hiệu quả cao trong quá trình triển khai đề tài nghiên cứu;

- *Phương pháp nghiên cứu so sánh:* rất hữu ích cho đề tài trong việc nghiên cứu so sánh các hệ thống đánh giá xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học của các nước điển hình trong khu vực ASEAN và các nước phát triển trên thế giới (phân tích bối cảnh kinh tế - xã hội, sự phát triển của nền giáo dục và đặc thù văn hóa của mỗi quốc gia), đối chiếu so sánh với bối cảnh và xu thế phát triển của Việt Nam;

- *Phương pháp nghiên cứu định lượng:* sử dụng các khảo sát và thực nghiệm trên các mẫu đại diện cho các nhóm đối tượng học sinh; các công cụ đánh giá được định lượng phân tích sử dụng phần mềm chuyên dụng trong đo lường đánh giá để xác định độ tin cậy và độ giá trị của các thông tin đánh giá và công cụ đánh giá;

- *Phương pháp nghiên cứu định tính:* các cuộc phỏng vấn sâu, tọa đàm, thảo luận nhóm với các bên liên quan cho phép nhóm nghiên cứu thu được các thông tin hữu ích về sự phù hợp và tính khả thi của các mô hình đánh giá và các giải pháp tổ chức triển khai các phương pháp đánh giá xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học;

- *Phương pháp nghiên cứu điển hình:* Lựa chọn những mẫu học sinh đại diện cho các vùng miền và trình độ học lực để kiểm định các Mô hình đánh giá và công cụ đánh giá;

- *Phương pháp chuyên gia:* Lựa chọn những chuyên gia chuyên ngành đo lường đánh giá, các nhà quản lý giáo dục và các nhà giáo có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức và thực hiện các kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học để thu thập các ý kiến đánh giá tính khả thi của hệ thống các giải pháp do nhóm nghiên cứu đề xuất ;

- *Phương pháp thực nghiệm:* Được áp dụng để thử nghiệm và định lượng đánh giá các phương pháp, quy trình và bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn*: đúc kết các bài học kinh nghiệm liên quan của thế giới và Việt Nam để đảm bảo các giải pháp đề xuất mang tính khả thi, có nền tảng cơ sở khoa học vững chắc đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn;
- *Phương pháp thống kê*: đây là phương pháp tối quan trọng trong nghiên cứu định lượng để xác định được giá trị thật của các phương pháp và công cụ đo lường đánh giá và định lượng kiểm định các kết quả của nghiên cứu.

18 | Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]

1. Trung tâm Khảo thí quốc gia - Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo để phối hợp đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học trong những năm qua; đồng thời cùng tham gia triển khai thực nghiệm các mô hình đề xuất; phối hợp đánh giá tính khả thi của các hệ thống giải pháp đề xuất; và chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài.
2. Vụ Giáo dục đại học, Bộ GD&ĐT để phối hợp đánh giá thực trạng, kết quả thực nghiệm và chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài.
3. Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam để huy động lực lượng các trường đại học tham gia trong việc xây dựng các phương án, phương pháp, tiêu chí và quy trình đánh giá xét tốt nghiệp và đặc biệt là Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học; đề xuất hệ thống các giải pháp tổ chức và triển khai các Mô hình đánh giá mới do đề tài đề xuất;
4. Bộ môn Đo lường Đánh giá trong giáo dục thuộc Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội là nơi có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực đo lường đánh giá sẽ cùng phối hợp để triển khai đề tài nghiên cứu này.
5. Trung tâm Khảo thí, Đại học Quốc gia Hà Nội, là nơi đi đầu trong cả nước trong việc triển khai đánh giá năng lực thí sinh trong các kỳ tuyển sinh đại học mấy năm qua. Đây cũng là nơi được trang bị nhiều máy móc hiện đại chuyên dụng cho việc định lượng phân tích các công cụ đo lường đánh giá trong giáo dục.

19	Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có) <i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)</i>
-----------	---

20	Kế hoạch thực hiện:				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
I	Xây dựng thuyết minh đề tài				34,1
	1.1. Xây dựng thuyết minh đề tài	Bản thuyết minh đề tài	6-7/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương	
	1.2. Thu thập thông tin tài liệu trong nước; - Biên dịch và viết báo cáo Báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Báo cáo tổng quan	6-7/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương	
II	Nội dung nghiên cứu chuyên môn				
1.	Nội dung 1: Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)				79,0
	1.1. Một số khái niệm cơ bản và nội hàm của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	Trình bày rõ các khái niệm cơ bản, nội hàm của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	9-10/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.V.Khuyến và các thành viên/tổ chức phối hợp chính	
	1.2. Sự cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới việc kiểm tra đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của Việt Nam hòa nhập chất lượng quốc tế	Trình bày về tính cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới	9-10/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	1.3. Những tác động của việc đổi mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông để phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội của Việt Nam	Phân tích tác động của việc đổi mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	9-10/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, T.T. Thùy và các thành viên/tổ chức	

				phối hợp chính	
2	<i>Nội dung 2: Cơ sở khoa học của việc tuyển sinh đại học</i>				77,0
	2.1. Một số khái niệm cơ bản và nội hàm của việc tuyển sinh đại học	Phân tích các khái niệm cơ bản, nội hàm của việc tuyển sinh đại học	10-12/2017	Ngô Doãn Đãi, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	2.2. Sự cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và hòa nhập nguồn nhân lực của khu vực và trên thế giới	Trình bày về tính cấp thiết và tầm quan trọng trong đổi mới tuyển sinh đại học	10-12/2017	Lê Đức Ngọc, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	2.3. Những tác động của việc đổi mới tuyển sinh đại học đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và hòa nhập thị trường lao động trong khu vực và quốc tế	Phân tích tác động của việc đổi mới tuyển sinh đại học đến nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam	10-12/2017	Ngô Doãn Đãi, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
3	<i>Nội dung 3: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông</i>				83,8
	3.1. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của các nước (phát triển và đang phát triển) ở Châu Á - Thái Bình Dương	Phân tích những điển hình thực tiễn đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở một số quốc gia thuộc Châu Á - Thái Bình Dương	10-12/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	3.2. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học	Phân tích những điển hình thực tiễn đánh giá xét công nhận tốt	10-12/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, T.T. Thùy và các thành viên /tổ	

	phổ thông của các nước phát triển thuộc Châu Âu	ngành THPT ở một số quốc gia tại Châu Âu.		chức phối hợp chính	
	3.3. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của các nước phát triển ở Châu Mỹ	Phân tích những điển hình thực tiễn đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở một số quốc gia tại Châu Mỹ.	10-12/2017	N.Ph.Nga, N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
4	<i>Nội dung 4: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong tuyển sinh đại học</i>				45,2
	4.1. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước (phát triển và đang phát triển) ở Châu Á - Thái Bình Dương	Phân tích và so sánh những phương pháp, tiêu chí và quy trình tuyển sinh đại học điển hình ở các phát triển và đang phát triển tại Châu Á – Thái Bình Dương.	1-2/2018	N.T. Tuyết, Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	4.2. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển thuộc Châu Âu	Phân tích và so sánh những phương pháp, tiêu chí và quy trình tuyển sinh đại học điển hình của một số quốc gia ở Châu Âu.	1-2/2018	Tô T.Thu Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	4.3. Mô hình (phương pháp, tiêu chí và quy trình) tuyển sinh đại học của các nước phát triển ở Châu Mỹ	Phân tích và so sánh những phương pháp, tiêu chí và quy trình tuyển sinh đại học điển hình tại một số quốc gia ở Châu Mỹ.	1-2/2018	N.Ph.Nga, V.T.B. Hiền và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
5	<i>Nội dung 5: Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp trung học phổ thông ở Việt Nam trong những năm qua</i>				50,4
	5.1. Thực trạng thi tốt nghiệp THPT qua các thời	Cung cấp một bức tranh về thực	3-4/2018	L.T.Hưng, T.T.Thùy,	

	kỳ đổi mới giáo dục ở Việt Nam	trạng các kỳ thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam qua từng giai đoạn trước đây.		L.V.Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	5.2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của các phương pháp, quy trình tổ chức và đánh giá qua các thời kỳ đổi mới thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam	Chỉ rõ những nguyên nhân và tác động của các phương pháp, quy trình, tiêu chí và những dạng thức các đề thi tốt nghiệp THPT ở Việt Nam trước đây.	3-4/2018	L.T.Hung, T.T.Thùy, T.T.Trung và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	5.3. Các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các định hướng cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam	Phân tích những định hướng mới cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông mới	3-4/2018	N.Ph.Nga, L.V. Khuyến T.T.Thu Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
6	<i>Nội dung 6: Đánh giá thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua</i>				40,8
	6.1. Thực trạng tuyển sinh đại học ở Việt Nam qua các thời kỳ đổi mới giáo dục	Mô tả những ưu điểm và hạn chế của các kỳ tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua.	5-6/2018	L.T.Hung, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	6.2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của các tiêu chí, phương pháp, quy trình tổ chức và đánh giá qua các thời kỳ đổi mới tuyển sinh đại học ở Việt Nam	Chỉ ra những ảnh hưởng tích cực và những hạn chế kèm theo nguyên nhân của các phương pháp tuyển sinh ở Việt Nam trước đây	5-6/2018	N.V.B.Hiền, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	6.3. Quyền tự chủ đại học	Phân tích về	5-6/2018	N.Ph.Nga,	

	và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong xu thế hội nhập của khu vực ASEAN và các định hướng cho việc tuyển sinh đại học ở Việt Nam	quyền tự chủ tuyển sinh đại học của các trường đại học và yêu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực do các trường đại học đào tạo		N.T.Tuyết, N.V.B. Hiền và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
7	<i>Nội dung 7: Xây dựng Mô hình (Phương án) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới</i>				64,2
	7.1. Mục tiêu, quan điểm và định hướng tiếp cận của Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	Đưa ra mục tiêu, quan điểm tiếp cận xây dựng Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam.	6-7/2018	N.Ph.Nga, N.T.Tuyết và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	7.2. Cấu trúc của Mô hình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	Mô tả cấu trúc của Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cho Việt Nam	6-7/2018	N.Ph.Nga, N.T.Tuyết, L.V. Khuyển T.T. Thu Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	7.3. Nội hàm đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cấu thành Mô hình mới	Mô tả những nội hàm đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cấu thành Mô hình mới	6-7/2018	N.Ph.Nga, N.T.Tuyết, N.V.B. Hiền, T.T. Thu Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
8	<i>Nội dung 8: Xây dựng Mô hình (Phương án) tuyển sinh đại học phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới</i>				148,5
	8.1. Mục tiêu, quan điểm và định hướng tiếp cận	Phân tích các mục tiêu, quan	7-8/2018	N.T.Tuyết, L.V. Khuyển,	

	của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới	điểm và định hướng tiếp cận của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam		T.T. Thu Hương, L.T.Hung, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	8.2. Cấu trúc của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới	Mô tả cấu trúc của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới	7-8/2018	N.T.Tuyết, N.V.B. Hiền, T.T. Thu Hương, L.T.Hung, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	8.3. Các nội hàm của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và thành phần các nguồn lực (nhân lực, vật lực và tài lực)	Mô tả về các nội hàm của Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và thành phần các nguồn lực (nhân lực, vật lực và tài lực)	7-8/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, L.V.Khuyên, T.T. Thu Hương, L.T.Hung, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
9	<i>Nội dung 9: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam</i>				107,8
	9.1. Cơ sở khoa học để xây dựng các tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	Phân tích cơ sở khoa học để xây dựng các tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	9-10/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.D.Đãi, L.T.Hung, T.T. Thùy, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	9.2. Các nhóm năng lực (kiến thức, kỹ năng và	Mô tả các nhóm năng lực (kiến	9-10/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết,	

	thái độ) học sinh tốt nghiệp THPT cần đạt được sau khi kết thúc chương trình giáo dục phổ thông mới: năng lực khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học); năng lực khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân); năng lực Toán; năng lực Ngữ văn, năng lực Ngoại ngữ	thức, kỹ năng và thái độ) học sinh tốt nghiệp THPT cần đạt được sau khi kết thúc chương trình giáo dục phổ thông mới: năng lực khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học); năng lực khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân); năng lực Toán; năng lực Ngữ văn, năng lực Ngoại ngữ.		N.Doãn Đãi, L.T.Hung, T.T. Thùy, T.T.T. Hương, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	9.3. Bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam.	Chi tiết về Bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam	9-10/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, T.T. Thùy, L.Đức Ngọc N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
10	<i>Nội dung 10: Xây dựng bộ tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học ở Việt Nam phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới.</i>			71,9	
	10.1. Cơ sở khoa học để xây dựng các tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới	Phân tích cơ sở khoa học xây dựng các tiêu chí tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN	10-11/2018	T.T. Thùy, L.Đ. Ngọc và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	

		và thế giới			
	10.2. Các nhóm năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) thí sinh đăng ký vào học đại học cần có để hoàn thành chương trình đại học phù hợp tiềm năng thí sinh	Mô tả các nhóm năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) thí sinh đăng ký vào học đại học cần có để hoàn thành chương trình đại học phù hợp tiềm năng thí sinh	10-11/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, T.T. Thùy, L.Đ Ngọc, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	10.3. Bộ tiêu chí tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học Việt Nam và yêu cầu của nền kinh tế - xã hội đối với các trường đại học.	Chi tiết về bộ tiêu chí tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học Việt Nam và yêu cầu của nền kinh tế - xã hội đối với các trường đại học.	10-11/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, T.T. Thùy, N.D. Đãi, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
11	<i>Nội dung 11: Xây dựng quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>				91,1
	11.1. Mục đích và nguyên tắc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Phân tích mục đích và nguyên tắc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	11-12/2018	N.T.Tuyết, T.T. Thùy và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	Xây dựng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc đánh giá xét	11-12/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.Doãn Đãi, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối	

		công nhận tốt nghiệp THPT		hợp chính	
	11.3. Khung thời gian và các bước đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Mô tả khung thời gian và các bước đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	11-12/2018	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.Doãn Đãi, N.V.Uyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	11.4. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam	Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.	11-12/2018	N.T.Tuyết, N.V.Uyên, L.Đ. Ngọc và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	11.5. Nhiệm vụ thanh tra và thẩm định kết quả tuyển sinh đại học	Xác định nhiệm vụ thanh tra và thẩm định kết quả tuyển sinh đại học	11-12/2018	N.T.Tuyết, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	11.6. Các nguồn lực phục vụ việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	Đề xuất việc khai thác các nguồn lực phục vụ việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	11-12/2018	N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12	<i>Nội dung 12: Xây dựng quy trình tự chủ tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu của các trường đại học và phù hợp định hướng phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>				57,7

12.1. Mục đích và nguyên tắc tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Mô tả mục đích và nguyên tắc tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	01-03/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc tuyển sinh đại học	Xây dựng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan công quyền liên quan đến việc tuyển sinh đại học	01-03/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12.3. Khung thời gian và các bước tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và định hướng phát triển nguồn nhân lực của đất nước	Mô tả khung thời gian và các bước tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và định hướng phát triển nguồn nhân lực của đất nước	01-03/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12.4. Nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn đối với các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia tuyển sinh đại học	Mô tả xác định nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn đối với các cơ quan/đơn vị tổ chức và tham gia tuyển sinh đại học	01-03/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12.5. Nhiệm vụ Thanh tra và thẩm định kết quả tuyển sinh đại học	Mô tả xác định nhiệm vụ Thanh tra và thẩm định kết quả tuyển sinh đại học	3-4/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
12.6. Các nguồn lực phục vụ việc tuyển sinh đại học ở Việt Nam	Mô tả việc khai thác các nguồn lực phục vụ việc	3-4/2019	N.V.B. Hiền, N.V.Uyên, và các thành viên	

		tuyển sinh đại học ở Việt Nam		/tổ chức phối hợp chính	
13	<i>Nội dung 13: Phương án (Mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>				229,1
	13.1. Nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các công cụ/phương thức đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam	Đề xuất nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các công cụ/phương thức đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam	3-5/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, T.T. Thùy, L.Đ. Ngọc, N.V.Uyên, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	13.2. <i>Phương án 1 (Mô hình 1):</i> Đánh giá kết quả học tập học sinh đạt được đối sánh với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông mới: xây dựng 5 ma trận đánh giá năng lực: năng lực Toán; năng lực Ngữ văn; năng lực Ngoại ngữ; năng lực khoa học tự nhiên; năng lực khoa học xã hội kèm theo 5 đề thi tương ứng minh họa 5 ma trận đánh giá (lựa chọn sử dụng các dạng thức đánh giá phù hợp: trắc nghiệm khách quan; tự luận; kết hợp trắc nghiệm và tự luận; vấn đáp; project; các dạng thức khác)	Mô tả việc xác định được Phương pháp 1: Đánh giá KQHT học sinh đạt được đối sánh với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông mới: xây dựng 5 ma trận đánh giá năng lực: năng lực Toán; năng lực Ngữ văn; năng lực Ngoại ngữ; năng lực khoa học tự nhiên; năng lực khoa học xã hội kèm theo 5 đề thi tương ứng minh họa 5 ma trận đánh giá	4-6/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.D.Đãi, L.V. Khuyến, L.T. Hưng, T.T. Thùy, N.V.B. Hiền, L.Đ.Ngọc N.V.Uyên, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	13.3. <i>Phương án 2 (Mô hình 2):</i> Đánh giá kết quả	Mô tả và xác định Phương	4-6/2019	T.T. Thùy, L.T. Hưng, T.T.	

	học tập và thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác)	pháp 2: Đánh giá kết quả học tập và thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác)		Thùy, N.D. Đãi và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	<i>13.4. Phương án 3 (Mô hình 3):</i> Tích hợp sử dụng hai hoặc ba loại hình khác nhau để đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	Mô tả Phương pháp 3: Tích hợp sử dụng hai hoặc ba loại hình khác nhau để đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT	4-6/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.D. Đãi L.T. Hưng, T.T. Thùy, L.V. Khuyến, N.V.B. Hiền, L.Đ. Ngọc N.V.Uyên, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
14	<i>Nội dung 14: Phương án (Mô hình) tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>				257,1
	14.1. Nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các phương thức tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học, hòa nhập với xu thế của giáo dục đại học toàn cầu	Mô tả các nguyên tắc lựa chọn phương pháp và các phương thức tuyển sinh đại học đáp ứng nhu cầu đa dạng và quyền tự chủ của các trường đại học.	5-6/2019	N.T.Tuyết, T.T. Thùy, N.V.B. Hiền, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	<i>14.2. Phương án 1 (Mô hình 1):</i> Đánh giá/chuẩn đoán năng lực của thí sinh: 7 ma trận đánh giá các nhóm năng lực chuyên biệt: năng lực Toán; năng lực Vật lý; năng lực Hóa học; năng lực Sinh học; năng lực Ngữ văn; năng lực Lịch sử; năng lực Địa lý; kèm	Mô tả Phương pháp 1: Đánh giá/chuẩn đoán năng lực của thí sinh: 7 ma trận đánh giá các nhóm năng lực chuyên biệt: năng lực Toán; năng lực Vật lý; năng lực Hóa học;	5-6/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, L.Đ. Ngọc, L.V. Khuyến, L.T. Hưng, T.T. Thùy, N.V.B. Hiền, N.D. Đãi, N.V.Uyên, T.T.T. Hương và các thành	

	theo 7 bộ công cụ minh họa đánh giá 7 ma trận	năng lực Sinh học; năng lực Ngữ văn; năng lực Lịch sử; năng lực Địa lý; kèm theo 7 bộ công cụ minh họa đánh giá 7 ma trận		viên /tổ chức phối hợp chính	
	<i>14.3. Phương án 2 (Mô hình 2):</i> Chuẩn đoán năng khiếu của thí sách (các loại hình thi/chuẩn đoán và cấu trúc ma trận chuẩn đoán năng khiếu	Mô tả Phương pháp 2: Chuẩn đoán năng khiếu của thí sách (các loại hình thi/chuẩn đoán và cấu trúc ma trận chuẩn đoán năng khiếu	5-6/2019	L.Đ.Ngọc, L.T. Hưng, T.T. Thùy, N.V.B. Hiền và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	<i>14.4. Phương án 3 (Mô hình 3):</i> Đánh giá kết quả học tập và các thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác)	Mô tả Phương pháp 3: Đánh giá kết quả học tập và các thành tích ở THPT (học bạ và các thành tích khác)	5-6/2019	T.T. Thùy, L.T. Hưng, N.D. Đãi, L.V.Khuyên và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	<i>14.5. Phương án 4 (Mô hình 4):</i> Tích hợp một số phương pháp đánh giá (chuẩn đoán năng lực; kết quả học tập THPT; các thành tích về học thuật; phục vụ cộng đồng; đánh giá của giáo viên chủ nhiệm ...)	Mô tả Phương pháp 4: Tích hợp một số phương pháp đánh giá (chuẩn đoán năng lực; kết quả học tập THPT; các thành tích về học thuật; phục vụ cộng đồng; đánh giá của giáo viên chủ nhiệm ...)	6-7/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.D. Đãi, L.T. Hưng, T.T. Thùy, L.V. Khuyên, L.Đ. Ngọc N.V.Uyên, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
15	<i>Nội dung 15: Xây dựng hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế-xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN</i>			203,0	
	15.1. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức triển khai	Phân tích mục tiêu và nguyên	6-8/2019	N.Ph. Nga, L.T. Hưng, L.V.	

đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo Mô hình mới (phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các trường THPT/Phòng Giáo dục/Sở Giáo dục và Đào tạo)	tắc tổ chức triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT theo Mô hình mới (phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các trường THPT/Phòng Giáo dục/Sở Giáo dục và Đào tạo)		Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
15.2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước, giám sát và hỗ trợ của Bộ GD&ĐT	Mô tả trách nhiệm quản lý Nhà nước, giám sát và hỗ trợ của Bộ GD&ĐT	6-8/2019	L.Đ.Ngọc, L.T. Hưng, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
15.3. Giải pháp hỗ trợ đảm bảo chất lượng các phương pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tự chủ tuyển sinh đại học: chuẩn hóa các công cụ/thang đánh giá, phương pháp đánh giá, chuyên nghiệp hóa ...	Mô tả các giải pháp hỗ trợ đảm bảo chất lượng các phương pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tự chủ tuyển sinh đại học: chuẩn hóa các công cụ/thang đánh giá, phương pháp đánh giá, chuyên nghiệp hóa ...	6-8/2019	N.Ph. Nga, L.T. Hưng, L.V. Khuyến, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
15.4. Lộ trình phát triển các tổ chức đánh giá chuyên nghiệp với các công cụ/thang đánh giá được chuẩn hóa theo chuẩn mực quốc tế	Xây dựng lộ trình phát triển các tổ chức đánh giá chuyên nghiệp với các công cụ/thang đánh giá được chuẩn hóa theo chuẩn mực quốc tế	6-8/2019	N.Ph. Nga, L.T. Hưng, L.V. Khuyến, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	

	15.5. Giải pháp giảm thiểu sự căng thẳng cho xã hội và các đối tượng liên quan (thí sinh, gia đình, giáo viên, trường học, cơ quan giáo dục ...)	Mô tả đề xuất nhóm giải pháp giảm thiểu sự căng thẳng cho xã hội và các đối tượng liên quan (thí sinh, gia đình, giáo viên, trường học, cơ quan giáo dục ...)	6-8/2019	L.Đ.Ngọc, L.T. Hưng, L.V. Khuyến, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	15.6. Giải pháp giảm chi phí công cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học	Đề xuất nhóm giải pháp giảm chi phí công cho việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học	6-8/2019	L.Đ. Ngọc, L.T. Hưng, L.V. Khuyến, T.T.T. Hương và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
16	<i>Nội dung 16: Tổng kết đánh giá Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thi điểm</i>				94,9
	16.1. Kết quả định lượng phân tích các số liệu thí điểm Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học	Tổng kết đánh giá các kết quả định lượng phân tích các số liệu thí điểm Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học	8-9/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, T.T.T. Hương, L.T. Hưng, T.T. Thùy, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	
	16.2. Các ý kiến đánh giá của các bên liên quan về hai Mô hình	Tổng hợp và phân tích các ý kiến đánh giá của các bên liên quan về hai Mô hình.	8-9/2019	N.P. Nga, N.T.Tuyết, N.D.Đãi, L.T. Hưng, T.T. Thùy, L.V. Khuyến và các thành viên /tổ chức phối hợp chính	

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

21	Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)		
<p>21.1 Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.</p>			
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1.	Cơ sở khoa học của việc đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học	Chi tiết, rõ ràng, có giá trị tổng hợp, có đối chiếu hoàn cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam và của các nước.	
2.	Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học	Chi tiết, rõ ràng, có giá trị tổng hợp, có đối chiếu hoàn cảnh kinh tế - xã hội của các nước.	
3.	Đánh giá thực trạng thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong những năm qua	Chi tiết, rõ ràng, phân tích kết quả đạt được và những hạn chế; có giá trị tổng hợp.	
4.	Xây dựng phương án đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học ở Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới	Có cơ sở khoa học vững chắc và soi rọi bởi thực tiễn thế giới và bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam và xu thế thế giới.	
5.	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển	Có căn cứ đầy đủ từ phân tích điều kiện khả thi và khảo sát thực tiễn, các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	

	sinh đại học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam và phù hợp quyền tự chủ đại học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN và thế giới		
6.	Xây dựng quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và quy trình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	Có căn cứ đầy đủ về lý luận và thực tiễn	
7.	Phương pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT phù hợp định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới và phương pháp tuyển sinh đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	Có căn cứ lý luận và thực tiễn, phù hợp và khả thi đối với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và định hướng hội nhập quốc tế.	
8.	Xây dựng hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới và hệ thống các giải pháp tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp xu thế phát triển kinh tế-xã hội, hội nhập nguồn nhân lực ASEAN.	Có căn cứ đầy đủ về lý luận và thực tiễn. Hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, có khảo sát thực tiễn.	
9.	Tổng kết đánh giá Mô hình mới đánh giá xét công nhận tốt nghiệp	Có căn cứ đầy đủ về lý luận, thực tiễn thí điểm, phù hợp và khả thi đối với chương trình giáo dục mới và điều kiện kinh tế -	

	THPT, Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học và hệ thống các giải pháp, kết quả thí điểm.	xã hội của Việt Nam và định hướng hội nhập quốc tế.		
21.2. Dạng II: Bài báo; sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác				
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1.	<i>Bài báo khoa học về thực trạng thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học ở Việt Nam trong các năm vừa qua và cơ sở khoa học của việc đánh giá xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học</i>	Có cơ sở lý luận và thực tiễn	<i>Bài viết gửi đăng bài tại một trong các tạp chí được tính điểm</i>	
2.	<i>Bài báo khoa học về kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học</i>	Có cơ sở lý luận và thực tiễn	<i>Bài viết gửi đăng bài tại một trong các tạp chí được tính điểm</i>	
3.	<i>Bài báo khoa học về tiêu chí, Mô hình và quy trình đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và tiêu chí, quy trình và Mô hình tự chủ tuyển sinh đại học phù hợp định hướng hội nhập nguồn nhân lực của ASEAN</i>	Có cơ sở lý luận và thực tiễn	<i>Bài viết gửi đăng bài tại một trong các tạp chí được tính điểm</i>	
4.	<i>Bài báo khoa học về nhóm các phương án (mô hình) đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các phương án (Mô hình)</i>	Có cơ sở lý luận và thực tiễn	<i>Bài viết gửi đăng bài tại một trong các tạp chí được tính điểm</i>	

	<i>tuyển sinh đại học đáp ứng quyền tự chủ đại học và nhu cầu đa dạng của xã hội.</i>			
5.	<i>Bài báo khoa học về hệ thống các giải pháp triển khai đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học cho Việt Nam theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới và xu thế hội nhập nguồn nhân lực ASEAN</i>	<i>Có cơ sở lý luận và thực tiễn</i>	<i>Bài viết gửi đăng bài tại một trong các tạp chí được tính điểm</i>	
6.	<i>Cẩm nang hướng dẫn lựa chọn và áp dụng các tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá công nhận xét tốt nghiệp THPT và các bước tổ chức triển khai.</i>	<i>Có cơ sở lý luận và thực tiễn</i>	<i>Bản thảo sạch và dùng làm tài liệu truyền thông cho đề tài</i>	
7.	<i>Cẩm nang hướng dẫn lựa chọn và áp dụng các tiêu chí, phương pháp và quy trình tuyển sinh đại học cho Việt Nam và các bước tổ chức triển khai.</i>	<i>Có cơ sở lý luận và thực tiễn</i>	<i>Bản thảo sạch và dùng làm tài liệu truyền thông cho đề tài</i>	
8.	<i>Hỗ trợ đào tạo 2 thạc sỹ về Đo lường đánh giá trong giáo dục.</i>	<i>Có chất lượng và đúng hạn</i>		

22 Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

22.1 Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

- Đóng góp vào việc xây dựng và chuẩn hóa được các tiêu chí, quy trình và phương pháp đánh giá xét công nhận tốt nghiệp THPT và hệ thống các giải pháp tổ chức triển

khai được kiểm chứng qua thực tiễn để ngành giáo dục ban hành những quy chế liên quan đến việc công nhận tốt nghiệp THPT ở Việt Nam.

- Đóng góp vào việc xây dựng và chuẩn hóa được các tiêu chí, quy trình và phương pháp tuyển sinh đại học đáp ứng quyền tự chủ của các trường đại học và nhu cầu đa dạng của nền kinh tế - xã hội của Việt Nam và hệ thống các giải pháp tổ chức triển khai được kiểm chứng qua thực tiễn;
- Các sản phẩm nghiên cứu của đề tài sẽ có đóng góp có ý nghĩa trong việc định hướng các chủ trương chính sách liên quan của ngành giáo dục trong đánh giá các kết quả học tập và đánh giá các năng lực của học sinh Việt Nam; đồng thời góp phần giảm thiểu sự căng thẳng của xã hội trong các kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

- Đóng góp vào đào tạo trên đại học cho chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục.

22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

Chuyển giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo các sản phẩm chính sau:

- (1). Cẩm nang hướng dẫn lựa chọn và áp dụng các tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá công nhận xét tốt nghiệp THPT và các bước tổ chức triển khai.
- (2). Cẩm nang hướng dẫn lựa chọn và áp dụng các tiêu chí, phương pháp và quy trình tuyển sinh đại học cho Việt Nam và các bước tổ chức triển khai.
- (3). Bộ số liệu thử nghiệm các tiêu chí, công cụ, phương pháp và quy trình đánh giá công nhận xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.

2.4. Dự kiến tiến độ thực hiện

	Hoạt động cụ thể	2017				2018				2019				2020			
		Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4
	Xây dựng và hoàn thiện dự án																
1.	Hợp phần 1: Xây dựng trang thông tin điện tử (bao gồm cả khảo sát, xây dựng các chỉ số thực hiện, tài liệu hướng dẫn)																
2.	Hợp phần 2: Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu KĐCL (bao gồm cả khảo sát, xây dựng các chỉ số thực hiện, thông tin v.v..., tài liệu hướng dẫn)																
3.	Hợp phần 3: Xây dựng phần mềm elearning (bao gồm cả khảo sát, xây dựng các chỉ số thực hiện, thông tin v.v..., tài liệu hướng dẫn)																
4.	Hợp phần 4: Xây dựng tài liệu, giáo trình, bài giảng điện tử, quay video giảng dạy																

5.	Hợp phần 5: Trang bị hệ thống máy móc thiết bị phục vụ KĐCLGD																
6.	Hợp phần 6: Trang bị phương tiện vận chuyển																
7.	Hợp phần 7: Tập huấn, đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước																
8.	Hợp phần 8: Mua hoặc xây 01 nhà làm trụ sở làm việc của Trung tâm																

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

	Ghép bảng excel						
	(vốn huy động, ...)						

(*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày 12 tháng 07 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài

(Họ tên và chữ ký)

Ngày.....tháng năm 2017

Văn phòng Chương trình³

(Họ tên và chữ ký)

PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

Ngày 12 tháng 7 năm 2017

**T/L VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG)**

Ngày.....tháng năm 2017

Bộ Giáo dục và Đào tạo⁴

TL. Bộ trưởng

**Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và
Môi trường**

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn

^{4,5} Chi ký tên, đóng dấu khi Đề tài được phê duyệt

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện⁵	Tổ chức công tác
1.	PGS.TS. Đặng Bá Lãm	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
2.	TS. Nguyễn Văn Định	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
3.	TS. Võ Thanh Bình	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
4.	TS. Văn Đình Ứng	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
5.	TS. Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
6.	ThS. Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam
7.	TS. Trần Thị Tú Anh	Thành viên	Học viện Chính trị quốc gia HCM
8.	TS. Đặng Thị Hồng Thủy	Thành viên	Trường Đại học Hà Nội
9.	TS. Đặng Thị Oanh	Thành viên	Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường ĐH Thái Nguyên
10.	TS. Phạm Văn Hùng	Thành viên	Trường Đại học Thái Nguyên
11.	ThS. Phạm Thị Quyên	Thành viên	Trường Đại học Phương Đông
12.	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Thành viên	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội Các trường ĐHCĐ VN
13.	ThS. Trần Xuân Kiên	Thành viên	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thái Nguyên
14.	ThS. Tống Thành Trung	Thành viên	Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN
15.	CN. Tống Văn Nam	Thành viên	Trung tâm Khảo thí ĐHQGHN
16.	CN. Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Viện Đ. lường Đánh giá Phát triển giáo dục
17.	ThS. Nguyễn TThu Hương	Thành viên	Trường Đại học Thái Nguyên
18.	Th.S Lê Thị Hoàng Hà	Thành viên	Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN
19.	Th.S Đỗ Thị Tú Uyên	Thành viên	Viện Đ.lường Đánh giá Phát triển giáo dục

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Chủ nhiệm đề tài

PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

**T/L VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Anh Tuấn

⁵Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

PHƯƠNG ÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1	TS. Phạm Xuân Thanh	Đại sứ quán Việt Nam tại Úc		<p>- <i>Nội dung thực hiện:</i> Đầu mối khai thác các tài liệu của các tổ chức khảo thí chuyên nghiệp của các nước phát triển như Australia, Mỹ, và một nước trong khu vực Châu Á để trao đổi kinh nghiệm về công trình nghiên cứu, các mô hình đánh giá xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học trong các quốc gia khác nhau trên thế giới.</p> <p>- <i>Giải trình lý do cần thuê:</i> phần lớn các tài liệu chuyên sâu về khảo thí, thi tốt nghiệp THPT ở một số nước không được đăng tải đầy đủ trên các trang thông tin điện tử của các tổ chức khảo thí của các quốc gia, ví dụ: mỗi bang của Úc có những giải pháp triển khai thi tại các trường THPT khác nhau và mỗi bang có chính sách riêng. Vì vậy cần có chuyên gia có các mối quan hệ và có thể</p>	3

				gặp gỡ, trao đổi để có thể khai thác các tài liệu.	
--	--	--	--	--	--

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
Chủ nhiệm đề tài

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
**T/L VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

Nguyễn Anh Tuấn

GHÉP BỔ SUNG CÁC PHỤ LỤC từ Biểu số I-4 đến I-9 TỪ EXCEL THEO THỨ TỰ